

Số: 245/TTr-UBND

Móng Cái, ngày 02 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố Móng Cái

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XXI - Kỳ họp thứ 14

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/HQ13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố Móng Cái số: 82/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 ; 93/NQ-HĐND ngày 12/4/2022, 105/NQ-HĐND ngày 27/5/2022, 122/NQ-HĐND ngày 22/7/2022, 135/NQ-HĐND ngày 14/11/2022, 144/NQ-HĐND ngày 15/12/2022, 153/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 và 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023; Văn bản số 555/UBND-XD3 ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ chi tiết vốn ngân sách tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 của các địa phương và Văn bản số 6320/VP.UBND-GTCN&XD ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh phương án phân bổ chi tiết vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thành phố Móng Cái thực hiện Chương trình tổng thể phát triển bền vững KT-XH, đảm bảo vững chắc QP-AN ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các CTMTQG;

Căn cứ Thông báo số 1124-TB/TU ngày 02/11/2023 Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố Móng Cái;

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XXI - Kỳ họp thứ 14 xem xét điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025:

1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025:

a) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của HĐND Thành phố là: 4.102.562 triệu đồng¹. Đến nay đã điều chỉnh 07 lần tại các Nghị quyết số: 93/NQ-HĐND ngày 12/4/2022; 105/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; 122/NQ-HĐND ngày 22/7/2022; 135/NQ-HĐND ngày 14/11/2022; 144/NQ-HĐND ngày 15/12/2022; 153/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 và 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; cụ thể năm 2022 đã điều chỉnh tăng 190.000 triệu đồng; năm 2023 tính đến thời điểm báo cáo điều chỉnh tăng 510.159 triệu đồng (Bao gồm: Ngân sách cấp tỉnh: Tăng 420.787 triệu đồng²; Ngân sách thành phố: Tăng 89.372 triệu đồng³).

- Tính đến thời điểm báo cáo, tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh bổ sung tại Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 là 4.802.721 triệu đồng; Bao gồm:

- + Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 116.300 triệu đồng;
- + Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 1.221.049 triệu đồng;
- + Nguồn vốn ngân sách thành phố: 3.465.372 triệu đồng; Trong đó, năm 2021-2023 đã phân bổ 1.685.239 triệu đồng⁴ cho các dự án công trình; Kế hoạch 2024-2025 còn lại là 1.780.133 triệu đồng⁵.

b) Đánh giá hiệu quả thực hiện:

- Hiệu quả đầu tư công đã từng bước được cải thiện, đầu tư tập trung trọng điểm các dự án lớn, quan trọng, có tính kết nối, lan tỏa.

+ Tỷ lệ giải ngân vốn/kế hoạch vốn ngày càng được cải thiện (năm 2021 đạt 95,4% (vốn ngân sách cấp thành phố đạt 96,6%); năm 2022 đạt 97,5% (vốn ngân sách cấp thành phố đạt 98,7%).

+ Đã bố trí vốn xử lý dứt điểm đối với 42 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 chuyển sang giai đoạn 2021-2025, với số vốn là 387.000 triệu đồng.

¹ Vốn ngân sách Trung ương: 116.300 triệu đồng; Vốn đầu tư ngân sách cấp tỉnh: 800.262 triệu đồng; Vốn đầu tư ngân sách thành phố Móng Cái: 3.186.000 triệu đồng.

² Tăng 420.787 triệu đồng cho 11 dự án tại các Nghị quyết của HĐND Tỉnh số: 76/NQ-HĐND ngày 09/11/2021; 125/NQ-HĐND ngày 04/44/2022 và 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023, do: Số liệu tại thời điểm trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 82/NQ-HĐND là số liệu dự thảo Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách cấp tỉnh.

³ Tăng 61.700 triệu đồng từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh cho 07 dự án xây mới trụ sở công an xã trên địa bàn thành phố Móng Cái; tăng 27.672 triệu đồng vốn ngân sách Tỉnh phân bổ cho 12 dự án đầu tư hạ tầng thực hiện Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

⁴ Bao gồm: (1) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.248.888 triệu đồng; (2) Nguồn kết dư ngân sách, nguồn khác: 195.812 triệu đồng; (3) Nguồn tinh hỗ trợ thực hiện Chương trình xây dựng NTM: 1.167 triệu đồng; (4) Nguồn Tỉnh hỗ trợ xây dựng Trường THPT Trần phú: 150.000 triệu đồng; (5) Nguồn Tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình tổng thể: 27.672 triệu đồng; (6) Nguồn Tỉnh hỗ trợ xây dựng trụ sở công an xã: 61.700 triệu đồng.

⁵ Bao gồm: (1) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.684.834 triệu đồng; (2) Nguồn kết dư ngân sách, nguồn khác: 55.299 triệu đồng; (3) Nguồn Tỉnh hỗ trợ xây dựng Trường THPT Trần phú: 40.000 triệu đồng.

+ Việc bố trí vốn đầu tư trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các dự án/công trình có động lực cao, góp phần đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa công trình, dự án và sử dụng phát huy hiệu quả; trong đó: tổng số dự án khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 136 dự án, với kế hoạch vốn là 2.193.970 triệu đồng tăng 589.587 triệu đồng so với giai đoạn 2016-2020.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là là tầng giao thông, du lịch, dịch vụ được đầu tư đồng bộ, bảo đảm liên thông, tổng thể góp phần quan trọng vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững.

1.2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025

- Bổ sung 2.582 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Móng Cái thực hiện Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023; Văn bản số 3896/QTC-QLNS ngày 03/8/2023 của Sở Tài chính về việc phân bổ, điều chỉnh vốn đầu tư công thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2023 (Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo).

- Điều chỉnh giảm 2.582 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất đã phân bổ cho 05 công trình (đối ứng thực hiện Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025); Điều chỉnh tăng 2.582 triệu đồng cho Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư.

- Điều chỉnh giảm 282 triệu đồng dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn, tăng 01 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 (Biểu số 02)

- Điều chỉnh giảm 110.000 triệu đồng Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 cho 15 công trình khởi công mới (Chi tiết tại biểu số 03 kèm theo).

2. Sửa đổi Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố Móng Cái: Từ đề xuất nêu trên, kính đề nghị HĐND Thành phố điều chỉnh Nghị quyết 163/NQ-HĐND như sau:

2.1. Sửa đổi Khoản 3.1, Điều 1, Nghị quyết số 163/NQ-HĐND:

Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
	Kế hoạch tại Nghị quyết số 163/NQ-HĐND	Nội dung điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
Vốn đầu tư ngân sách thành phố Móng Cái	3.465.372	2.582	3.467.954
(1) Kế hoạch đã phân bổ năm 2021	576.623		576.623
- Công trình chuyển tiếp	167.125		167.125
- Công trình khởi công mới	409.498		409.498
(2) Kế hoạch giai đoạn 2022-2025	2.888.749	2.582	2.891.331
(i1) Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	219.875		219.875
(i2) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022	1.401.834		1.401.834
(i3) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025	382.638	110.000	492.638
(i4) Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn	108.000		108.000
(i5) Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư	458.402	-107.418	350.984
(i6) Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn	318.000		318.000

2.2. Sửa đổi Khoản 3.2, Điều 1, Nghị quyết số 163/NQ-HĐND:

Stt	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
		Kế hoạch tại Nghị quyết số 163/NQ- HĐND	Nội dung Điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh

	TỔNG SỐ	3.465.372	2.582	3.467.954
1	Các dự án, công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	387.000		387.000
2	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022	1.811.332	0	1.811.332
3	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025	382.638	110.000	492.638
4	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn	108.000		108.000
5	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư	458.402	-107.418	350.984
6	Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn	318.000		318.000

2.3. Sửa đổi Khoản 3.3, Điều 1, Nghị quyết số 163/NQ-HĐND:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh:

- Dự án, công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: 42 dự án, công trình; kế hoạch là 387.000 triệu đồng, *chi tiết tại biểu số 04.*

- Dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 163 dự án, công trình; kế hoạch là 2.303.970 triệu đồng (*Trong đó: năm 2021 là 409.498 triệu đồng; giai đoạn 2022-2025 là 1.894.472 triệu đồng*) (tăng 110.000 triệu đồng), *chi tiết tại biểu số 05.*

- Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư: 350.984 triệu đồng (giảm 107.418 triệu đồng).

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XXI, kỳ họp thứ 14 xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận: 

- Như trên (kính trình);
- TT Thành ủy, TT HĐND Thành phố (b/c);
- Ban KT-XH, Pháp chế HĐND TP (b/c);
- CT, các PCT UBND Thành phố (c/đ);
- Các cơ quan, đơn vị liên quan (t/h);
- UBND các xã, phường (t/h);
- VP1, P1, P2, V2-10;
- Lưu: VT, V6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Tuấn

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 02/11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025 đã được phê duyệt (nguồn sử dụng đất)			Bổ sung kế hoạch 2021-2025 (nguồn tính hỗ trợ)			Điều chỉnh giảm kế hoạch 2021-2025 (nguồn sử dụng đất)			Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú	
		Số; Ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng	Năm 2021	Năm 2022- 2025	Tổng	Năm 2021	Năm 2022- 2025	Tổng	Năm 2021	Năm 2022- 2025	Tổng	Năm 2021	Năm 2022- 2025		Tổng
			Tổng	NSTP														
			11.237	10.468	10.330	0	10.330	2.582	0	2.582	2.582	0	2.582	0	0	12.912	0	12.912
	TỔNG CỘNG																	
1	Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025																	
1	Tuyến điện chiếu sáng thôn 3, thôn 5, xã Hải Đông	2005; 04/4/2023	1.951	1.838	1.800	0	1.800	910	0	910	910	0	910	0	0	2.710	0	2.710
2	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 2, xã Hải Tiến	1949; 03/4/2023	1.305	1.234	1.230	0	1.230	330	0	330	330	0	330	0	0	1.560	0	1.560
3	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Tiến	1944; 03/4/2023	2.356	2.234	2.200	0	2.200	500	0	500	500	0	500	0	0	2.700	0	2.700
4	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Hải Tiến	1950; 03/4/2023	2.354	2.247	2.200	0	2.200	500	0	500	500	0	500	0	0	2.700	0	2.700
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư thôn Pặc Nà và thôn Thán Phún xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái.	1952; 03/4/2023	3.271	2.915	2.900	0	2.900	342	0	342	342	0	342	0	0	3.242	0	3.242



ĐIỀU CHỈNH CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số 245/TT-UBND ngày 02/11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025 phê duyệt tại NQ 82,93,104,122,144, 153 và 163 của HĐND Thành phố		Điều chỉnh Kế hoạch 2021-2025		Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021		Năm 2022-2025
	TỔNG CỘNG			2.506	54.238	5.897	13.882	0	13.882	0	13.882		
1	Nâng cấp đại lộ Hòa Bình, đoạn từ km2 đến cầu Hòa Bình	1704; 01/6/2005		2.506	54.238	5.897	454	282	282		736	736	Dự án đã hoàn thành, bổ trí vốn để chi trả GPMB theo phương án bổ sung theo KL của TTra Tỉnh và QĐ định chi khiếu nại của UBND Tỉnh tại QĐ số 2215/QĐ-UBND ngày 03/8/2023
2	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn						13.428	-282	-282		13.146	13.146	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số 245/TT-Tr-UBND ngày 02/11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025 đã được phê duyệt		Điều chỉnh tăng Kế hoạch 2021-2025		Điều chỉnh giảm Kế hoạch 2021-2025		Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021		Năm 2022-2025
			Tổng cộng	Trong đó: NSTP										
	TỔNG CỘNG		135.377	130.731	458.402	0	458.402	112.582	0	110.000	460.984	0	460.984	
1	Xây mới nhà văn hoá khu phố 1, phường Hải Yên	4623; 22/8/2023	4.945	3.945			3.900	3.900			3.900		3.900	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính Thôn 9 từ giáp Quốc lộ 18 đến ngã ba đi Nhà văn hóa trung tâm xã Hải Đông		10.449	10.449			9.800	9.800			9.800		9.800	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa đến công chầu thôn 4, xã Quảng Nghĩa	4616; 22/8/2023	9.700	9.700			9.200	9.200			9.200		9.200	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 đến đường Trần Hưng Đạo, khu Hồng Phong, phường Ninh Dương		11.661	11.661			11.000	11.000			11.000		11.000	
5	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè tuyến đường từ Đồn Biên phòng đến trường Mầm non xã Hải Sơn		10.621	10.621			10.000	10.000			10.000		10.000	
6	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Vỹ, phường Trà Cỏ		10.737	10.737			10.000	10.000			10.000		10.000	
7	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Lố, phường Trà Cỏ	4622; 22/8/2023	8.297	8.297			7.800	7.800			7.800		7.800	
8	Đầu tư xây dựng trụ cấp nước PCCC trên địa bàn các phường: Hòa Lạc, Trần Phú, Ka Long, Ninh Dương		5.300	5.300			5.000	5.000			5.000		5.000	
9	Xây mới nhà vệ sinh công cộng kết hợp bãi đỗ xe tỉnh tại phường Trần Phú		6.100	6.100			5.800	5.800			5.800		5.800	
10	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè đường Đoàn Tĩnh, phường Hải Yên (Đoạn từ cầu Trảng Vinh đến nút giao đường Trần Hưng Đạo)		33.000	30.536			15.000	15.000			15.000		15.000	
11	Xây mới Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Hòa		5.461	5.000			4.800	4.800			4.800		4.800	
12	Xây mới Nhà văn hóa khu 4, phường Hải Hòa		5.455	5.455			5.250	5.250			5.250		5.250	
13	Xây mới Nhà văn hóa khu 8, phường Hải Hòa		5.721	5.300			5.100	5.100			5.100		5.100	
14	Xây mới Nhà văn hóa khu 2, phường Trần Phú		3.800	3.500			3.350	3.350			3.350		3.350	
15	Cải tạo, sửa chữa hội trường tầng 01, trụ sở Thành ủy Móng Cái		4.130	4.130			4.000	4.000			4.000		4.000	
16	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư				458.402		458.402	2.582		110.000	350.984		350.984	



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 02/11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
						Tổng cộng	Trong đó: NSTP						
TỔNG CỘNG					1.183.909	941.570	485.358	42	387.000	167.125	219.875		
1	Cải tạo nâng cấp tuyến cống thoát nước khu Hồng Phong, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	C	2019 -2021	BQL dự án ĐTXD	6016; 29/10/19	4.212	4.212	2.896	1	395	395	0	
2	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Tiên, thành phố Móng Cái	C	2019 -2020	BQL dự án ĐTXD	5057; 18/9/19	14.696	14.696	11.550	1	2.139	2.139	0	
3	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Xuân, thành phố Móng Cái	C	2019 - 2021	BQL dự án ĐTXD	5882; 24/10/19	11.956	11.956	9.599	1	1.590	1.590	0	
4	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc tại khu vực đông dân cư thuộc tuyến đường xuyên đảo xã Vĩnh Thực-Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	5586; 11/10/19	8.996	8.996	7.340	1	1.150	1.150	0	
5	Gia cố đoạn xung yếu tuyến đê thôn 1 xã Quảng Nghĩa	C	2019 - 2021	BQL dự án ĐTXD	6115; 31/10/19	5.027	5.027	3.305	1	1.093	498	595	
6	Cải tạo, nâng cấp hồ Khe Cầu và liên kết với Hồ Cái Vĩnh, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái.	C	2019 - 2022	BQL dự án ĐTXD	6015; 29/10/19	12.971	12.971	7.609	1	5.300	300	5.000	
7	Hoàn trả kinh phí cho nhà đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cầu phao tạm trên sông Ka Long và các hạng mục công trình đảm bảo hoạt động của cầu phao tạm Km3+Km4, phường Hải Yên, TP Móng Cái (Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL))	C	2018-2019	BQL dự án ĐTXD	140; 8/6/2017	173.334	154.909	69.999	1	72.500	31.000	41.500	
8	Trường THCS Bình Ngọc	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	5163; 23/9/19	37.082	37.082	26.516	1	10.000	10.000	0	
9	Trường mầm non Hải Yên	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	6112; 31/10/19	34.116	34.116	9.380	1	24.700	11.120	13.580	
10	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm truyền thông và văn hóa	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	4925; 10/9/19	11.083	11.083	9.100	1	1.756	800	956	
11	Chỉnh trang khu dân cư km3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	C	2019-2020	UBND thành phố MC	4406; 30/10/18	131.773	39.532	19.000	1	7.228	1.000	6.228	
12	Hạ tầng Khu dân cư Bắc Đại lộ Hoà Bình, thành phố Móng Cái	C	2018-2022	BQL dự án ĐTXD	3646; 1/8/18	175.558	175.558	73.866	1	76.100	50.230	25.870	
13	Mở rộng tuyến đường phố Thăng Lợi, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5461; 30/10/18	6.705	6.705	4.800	1	800	800	0	
14	Hạ tầng khu tái định cư thôn 5, xã Hải Xuân	C	2018-2021	BQL dự án ĐTXD	4998; 1/10/18	59.931	59.931	34.000	1	25.000	12.600	12.400	
15	Xây mới Trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa	C	2019-2022	BQL dự án ĐTXD	5918; 28/10/19	12.454	12.454	9.600	1	1.890	200	1.690	
16	Xây dựng hồ chứa nước Đầm Ván, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2017	BQL dự án ĐTXD	5381; 29/10/18	14.950	14.950	8.800	1	5.850	800	5.050	
17	Hạ tầng Khu xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	C	2015 - 2016	BQL dự án ĐTXD	5181; 03/12/15	6.526	6.526	2.582	1	3.900		3.900	
18	Cấp nước tập trung liên xã Hải Xuân - Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	C	2018-2021	BQL dự án ĐTXD	5488; 31/10/18	26.082	26.082	21.526	1	4.537		4.537	
19	Hỗ trợ xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (Hạng mục Đường cơ động vào thao trường và Sở chỉ huy diễn tập thành phố Móng Cái)	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5228a; 31/10/17	10.000	10.000	5.000	1	4.310	4.310	0	
20	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm xã Hải Tiên - Hồ Trảng Vinh đến trạm Biên phòng Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021	UBND thành phố MC	4369; 16/10/2019; 2534; 31/8/2022	179.511	109.511	23.299	1	85.688	22.524	63.164	
21	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu đô thị vành đai 2-3 (khu A2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	323; 25/1/17	5.733	5.733	2.189	1	3.500		3.500	
22	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Hải Yên và xã Hải Xuân (ký hiệu A3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4337; 23/12/16	12.046	12.046	6.008	1	6.000		6.000	
23	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu du lịch Trà cổ - Bình Ngọc(khu A6 và một phần khu A5.3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4399; 27/12/16	6.216	6.216	2.130	1	4.000		4.000	
24	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.1 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái dân cư hiện hữu (ký hiệu C3)	C	2017	BQL dự án ĐTXD	322; 25/1/17	917	917	0	1	900		900	

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMBT			Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
						Tổng cộng	Trong đó: NSTP						
25	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.3 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2017	BQL dự án ĐTXD	346; 25/1/17	1.480	1.480	570	1	900		900	
26	GPMB nhà văn hóa xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021		1951; 19/3/21	663	663		1	263	263	0	
27	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên phường Hải Yên - Ninh Dương, thành phố Móng Cái (Đường 4B cũ)	C	2017 - 2018	BQL dự án ĐTXD	4819; 31/10/16	39.200	39.200	31.075	1	900	900	0	
28	Khu dân cư kiểu mẫu phường Ka Long	C	2019-2021	UBND phường Ka Long	86b; 15/10/18	368	368	334	1	29	29	0	
29	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Đông, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	70; 28/10/19	1.605	1.605	1.143	1	147	147	0	
30	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Trung, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	71; 28/10/19	1.918	1.918	1.292	1	272	272	0	
31	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị hiện hữu (ký hiệu A1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4341; 23/12/16	1.756	1.756	650	1	910	910	0	
32	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4339; 23/12/16	3.299	3.299	889	1	2.140	2.140	0	
33	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4340; 23/12/17	4.966	4.966	2.490	1	1.970	1.970	0	
34	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư hiện hữu (ký hiệu C3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4342; 23/12/16	10.780	10.780	6.327	1	3.930	3.930	0	
35	Xây dựng trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long, thành phố Móng Cái	C	2020-2020	BQL dự án ĐTXD	5053; 16/9/19	1.493	1.493	1.180	1	162	162		
36	Nâng cấp trụ sở HĐND - UBND thành phố Móng Cái	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5178; 27/10/17	13.044	13.044	11.520	1	454	454	0	
37	Mở rộng, nâng cấp đường từ ngã 5 Ninh Dương - Cầu Voi, thành phố Móng Cái	C	2012-2013	BQL dự án ĐTXD	3367; 18/10/12	34.901	34.901	28.342	1	962	195	767	
38	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè một số tuyến nội thị khu Đông Bắc chợ, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5062; 25/10/17	14.117	10.191	7.349	1	87	87	0	
39	Hồ chứa nước Cái Vành xã Vĩnh Trung	C		BQL dự án ĐTXD	6904; 26/12/13	14.367	14.367	8.431	1	5.680	980	4.700	
40	Chỉnh trang, cải tạo trục đường chính phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2017	BQL dự án ĐTXD	4808; 31/10/16	14.435	14.435	3.000	1	3.230	3.230	0	
41	Nâng cấp đại lộ Hòa Bình, đoạn từ km2 đến cầu Hòa Bình	C		UBND thành phố MC	1704; 01/6/2005	54.238	5.897	2.506	1	736		736	
42	Sàn nền phần diện tích mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái	C		UBND thành phố MC	2062; 11/6/2010 3139; 16/9/2010; 5298; 30/12/2011; 5844; 31/12/2015	9.406		8.165	1	756		756	
44	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn									13.146		13.146	

ĐÁNH MỤC CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số 245/TT-UBND ngày 02/11/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
TỔNG CỘNG													
I	Lĩnh vực Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	7						111.602	111.602	88.473	15.000	73.473	
1	Tu bổ, nâng cấp đê Ông Tam, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	1	C	12/2019-12/2022	L = 0,9 km	BQL dự án ĐTXD	1799; 06/3/2020	31.213	31.213	28.090	7.000	21.090	
2	Sửa chữa, nâng cấp đê từ Cầu Voi xã Vạn Ninh đến Miếu Tàu phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	12/2019-12/2022	L = 1,3 km	BQL dự án ĐTXD	2122; 20/3/2020	25.301	25.301	22.770	8.000	14.770	
3	Dự án sửa chữa điểm sạt lở đê thôn 8, xã Hải Xuân	1	C	2022-2023	Xây dựng kè ốp mái L=81m; Gia cố chân đê L=75m	BQL dự án ĐTXD	14881; 06/12/2021	6.329	6.329	5.700		5.700	
4	Làm mới công đê Hân, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2023	Xây mới 01 công; sửa chữa 02 cánh công	BQL dự án ĐTXD	15239; 13/12/2021	3.261	3.261	2.935		2.935	
5	Nạo vét sông Mán Thi, đoạn từ cửa sông (vị trí phân lưu giữa sông Sau và sông Mán Thi) tới cầu Trà Bình, xã Hải Xuân và phường Bình Ngọc thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Nạo vét lòng sông S=22,5ha	BQL dự án ĐTXD	14847; 03/12/2021	29.856	29.856	14.288		14.288	
6	Sửa chữa, nâng cấp công đê biển thôn 2 và thôn 5 xã Hải Đông	1	C	2022	Sửa chữa Công đê dưới đê thôn 2, thôn 5, thay cánh công, hàng rào, bóc dỡ kè sạt	UBND xã Hải Đông	3496; 20/5/2022	691	691	690		690	
7	Kè chắn sóng đầu Đông núi Gió (từ cuối núi Gió đến giáp bến Hên), xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	14.952	14.952	14.000		14.000	
II	Lĩnh vực Giao thông vận tải	13						1.074.305	180.402	170.423	0	170.423	
1	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa	1	C	2022-2024	L = 1,895 km	BQL dự án ĐTXD	15215; 13/12/2021	27.900	27.900	25.110		25.110	
2	Sửa chữa các ngàm tràn thuộc tuyến dẫn vào rừng phòng hộ thôn Péc Nả, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngàm tràn 63,7m	BQL dự án ĐTXD	15236; 13/12/2021	2.245	2.245	2.123		2.123	
3	Nâng cấp, sửa chữa các công qua đường thuộc tuyến đường vào bản Lý Ló, thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngàm tràn 71 m; xử lý 01 công	BQL dự án ĐTXD	15237; 13/12/2021	2.958	2.958	2.870		2.870	
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bến Cái Vĩnh và bến Cái Chàm, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2024	L = 2,1 km	BQL dự án ĐTXD	15238; 13/12/2021	14.311	14.311	13.420		13.420	
5	Cải tạo một số tuyến phố phường Ka Long, Ninh Dương, Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	17.500	17.500	15.800		15.800	
6	Thảm nhựa đường Doan Tĩnh, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	10.500	10.500	9.500		9.500	
7	Nâng cấp mặt đường một số tuyến phố khu Hòa Bình, khu Thọ Xuân, phường Hòa Lạc	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	4.144	4.144	3.800		3.800	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025		
8	Dường nối từ cửa khẩu Bắc Luân I (vòng xuyên bình bình Ngân hàng nông nghiệp) đi nút giao cầu Bà Mai, thành phố Móng Cái	1	B	2023-2026		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND: 14/11/2022	943.903	50.000	50.000	50.000			
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính Thôn 9 từ giáp Quốc lộ 18 đến ngã ba đi Nhà văn hóa trung tâm xã Hải Đông	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	4616: 22/8/2023	9.700	9.700	9.200	9.200			
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa đến công chầu thôn 4, xã Quảng Nghĩa	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD		11.661	11.661	11.000	11.000			
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 đến đường Trần Hưng Đạo, khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD		10.737	10.737	10.000	10.000			
12	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Vỹ, phường Trà Cổ	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	4622: 22/8/2023	8.297	8.297	7.800	7.800			
13	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Lỏ, phường Trà Cổ	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD		8.297	8.297	7.800	7.800			
III Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					15				581.063	485.063	464.536	39.131	425.405	
1	Xây dựng khu nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, bổ sung phòng học trường THCS Hải Yên	1	C	2021-2023	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án DTXD	9596: 04/12/2020	21.791	21.791	19.810	8.940	10.870		
2	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Hải Hòa	1	C	2021-2023	Xây nhà học 03 tầng 21 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án DTXD	9447: 03/12/2020	24.434	24.434	23.290	16.691	6.599		
3	Xây dựng nhà ăn Trường tiểu học Ka Long	1	C	2021-2022	Xây dựng nhà ăn 03 tầng	BQL dự án DTXD	7492: 30/09/2020	13.219	7.219	7.219	3.219	4.000		
4	Khu nhà học lý thuyết 03 tầng; Trường tiểu học Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	12/2019 - 12/2022	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học	BQL dự án DTXD	1981: 16/03/2020	19.760	19.760	16.357	10.281	6.076		
5	Xây khu hiệu bộ và bổ sung các phòng học văn hóa, phòng chức năng trường TH Hải Yên	1	C	2022-2024	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án DTXD	15223: 13/12/2021	25.983	25.983	24.000		24.000		
6	Xây dựng bổ sung phòng học và sửa chữa khu nhà học chức năng thành khu hiệu bộ trường THCS Hòa Lạc	1	C	2022-2024	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; Cải tạo nhà hiệu bộ 02 tầng	BQL dự án DTXD	15224: 13/12/2021	25.098	25.098	23.400		23.400		
7	Xây bổ sung phòng học, sửa chữa khu nhà học, nhà hiệu bộ trường Tiểu học Lý Tự Trọng	1	C	2022-2024	Xây nhà học 04 tầng; Xây mới nhà cầu 02 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	BQL dự án DTXD	15213: 13/12/2021	40.014	40.014	38.910		38.910		
8	Xây dựng bổ sung phòng học và cải tạo bếp ăn trường Mầm non Hải Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 03 tầng; Cải tạo, mở rộng nhà bếp ăn; Xây mới 02 nhà cầu và các hạng mục phụ trợ khác	BQL dự án DTXD	15227: 13/12/2021	17.400	17.400	15.660		15.660		
10	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng hiệu bộ trường TH&THCS Vĩnh Trung	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 03 tầng	BQL dự án DTXD	15234: 13/12/2021	20.395	20.395	19.860		19.860		
12	Xây dựng bổ sung phòng học, Khu hiệu bộ và nhà ăn trường Mầm non Bình Ngọc	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 02 tầng; Khô nhà hiệu bộ 02; nhà bếp 01 tầng	BQL dự án DTXD	15210: 13/12/2021	16.696	16.696	16.030		16.030		
14	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường THPT Trần Phú, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	B	2022-2024		UBND thành phố Móng Cái	4811: 08/7/2022	200.000	200.000	200.000		200.000		

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
16	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	B	2023-2026		UBND thành phố Móng Cái	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	94.180	4.180	4.000		4.000
18	Xây mới, nâng cấp phòng học Trường tiểu học Đào Phúc Lộc, phường Trần Phú	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	40.285	40.285	36.300		36.300
20	Xây khu hiệu bộ trường tiểu học Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	16.208	16.208	14.600		14.600
22	Xây dựng Trường mầm non Hải Yên giai đoạn 2	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	5.600	5.600	5.100		5.100
IV	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin, du lịch	2						15.762	15.762	15.000	6.259	8.741
1	Biển tên khu du lịch quốc gia Trà Cổ, Móng Cái, Quảng Ninh	1	C	02/6/2021 - 30/9/2021	Xây dựng biểu tượng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	9604; 04/12/2020	9.662	9.662	9.200	6.259	2.941
2	Xây mới nhà vệ sinh công cộng kết hợp bãi đỗ xe tỉnh tại phường Trần Phú	1	C			BQL dự án ĐTXD		6.100	6.100	5.800		5.800
V	Lĩnh vực Y tế	2						10.200	10.200	9.556	0	9.556
1	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15221; 13/12/2021	5.094	5.094	4.746		4.746
2	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15225; 13/12/2021	5.106	5.106	4.810		4.810
VI	Lĩnh vực Công nghiệp	4						30.263	30.263	28.005	0	28.005
1	Đầu tư hệ thống chiếu sáng Khu dân cư thôn 9, 10, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Đầu tư mới tuyến điện chiếu sáng có chiều dài tuyến khoảng 3250,0 m	Phòng Quản lý đô thị	71/NQ-HĐND; 10/11/2021	3.800	3.800	2.490		2.490
2	Đầu tư đường điện và trạm biến áp ra ngọn Hải Đăng Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	9.400	9.400	8.455		8.455
3	Thay thế hệ thống chiếu sáng công cộng hiện hữu sử dụng bóng Sodium bằng hệ thống đèn Led tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	10.000	10.000	10.000		10.000
4	Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường trục chính khu dân cư từ thôn 7 đi thôn 2, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	7.063	7.063	7.060		7.060
VII	Lĩnh vực Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải	4						49.262	46.798	30.140	1.410	28.730
1	Tuyến rãnh thoát nước mặt khu dân cư tổ 5, khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	L= 350 m	BQL dự án ĐTXD	9615; 04/12/2020	1.492	1.492	1.410	1.410	0
2	Xây dựng bổ sung hệ thống cấp nước sạch tại thôn Thoi Phi xã Vạn Ninh, thôn 4 xã Hải Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	L=5,61 km	BQL dự án ĐTXD	15235; 13/12/2021	4.149	4.149	3.730		3.730
3	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè đường Doan Tĩnh, phường Hải Yên (Đoạn từ cầu Trang Vinh đến nút giao đường Trần Hưng Đạo)	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD		33.000	30.536	15.000		15.000

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chú đầu tư	QB phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
4	Dầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè tuyến đường từ Dồn Biên phòng đến trường Mầm non xã Hải Sơn	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD		10.621	10.621	10.000	2021	10.000	
VIII Lĩnh vực Hạ tầng													
1	Cải tạo, chỉnh trang đô thị tuyến Đại lộ Hòa Bình (đoạn từ Cửa khẩu Quốc tế Móng Cái đến Vòng Xuyên đi Trà Cỏ), thành phố Móng Cái	1	B	2021-2023	L = 1,348 km	BQL dự án DTXD	10305; 21/12/2020; 8748; 07/10/2022	87.996	87.996	83.660	24.000	59.660	
2	Hạ tầng khu tái định cư tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2023	S = 6,1 ha	BQL dự án DTXD	9563; 03/12/2020	109.707	109.707	98.740	34.865	63.875	
3	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cỏ, phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái (Đoạn từ ngã ba ông Thái đến Dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cỏ)	1	B	2021-2023	L=2,0km	BQL dự án DTXD	10304; 21/12/2020	153.537	153.537	138.180	50.000	88.180	
4	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2021-2024	S = 9,7ha	BQL dự án DTXD	10302; 21/12/2020	131.304	131.304	120.345	35.560	84.785	
5	Hạ tầng đất ở tại Khu 7, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	S = 0,2 ha	BQL dự án DTXD	9240; 27/11/2020	2.089	2.089	1.866	1.436	430	
6	Hạ tầng Khu dân cư tại Khu Hạ Long, phường Ninh Dương	1	B	2021-2024	S = 9,85ha	BQL dự án DTXD	10303; 21/12/2020	170.250	170.250	153.230	42.200	111.030	
7	Hạ tầng đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội tại tên địa bàn phường Hải Yên	1	C	2020-2023	S = 4,4 ha	BQL dự án DTXD	9598; 04/12/2020	67.267	67.267	60.540	30.000	30.540	
8	Hạ tầng khu quy hoạch di chuyển các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2023	S = 10,22 ha	BQL dự án DTXD	9599; 04/12/2020	108.512	108.512	97.660	31.500	66.160	
9	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1	B	2021-2023	S=10,7 ha	BQL dự án DTXD	152/NQ-HDND; 20/4/2023	280.956	280.956	263.860	57.173	206.687	
10	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại Khu Hồng Kỳ phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S=2,15ha	BQL dự án DTXD	15228; 13/12/2021	25.235	25.235	22.710		22.710	
11	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	S=0,5 ha	BQL dự án DTXD	15226; 13/12/2021	6.233	6.233	5.790		5.790	
12	Hạ tầng điểm dân cư khu Cửa Diên, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S = 1,43 ha	BQL dự án DTXD	15214; 13/12/2021	18.180	18.180	16.360		16.360	
13	Dự án tái định cư tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	1.210	1.210	1.200		1.200	
14	Dự án tái định cư L6 - X, tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	30.882	30.882	30.800		30.800	
15	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phú Xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	701; 15/2/2023	4.590	4.590	4.300		4.300	
16	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phú Xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	678; 14/2/2023	9.000	9.000	8.500		8.500	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
17	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hén, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	674; 14/2/2023	9.790	9.790	9.300		9.300
18	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	513; 02/2/2023	6.000	6.000	5.700		5.700
IX	Lĩnh vực Quốc phòng, an ninh	13						153.821	153.821	144.250	15.000	129.250
1	Công trình Quốc phòng trong Căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (giai đoạn I)	1	C	2022-2023	Đường hầm chỉ huy, đường công vụ cơ động, nhà bán âm 3 gian, ụ súng	BCH quân sự TPMC	120; 09/6/2021	42.953	42.953	38.660	15.000	23.660
2	Xây dựng kho đạn hỏa lực thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Nhà kho đạn hỏa lực mái bằng 1 tầng và các hạng mục phụ trợ	BCH quân sự TPMC	97; 20/5/2022	3.404	3.404	3.400		3.400
3	Xây mới Trụ sở Công an xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15230; 13/12/2021	8.812	8.812	8.100		8.100
4	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15222; 13/12/2021	10.066	10.066	9.450		9.450
5	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10071; 30/11/2022	9.346	9.346	9.300		9.300
6	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10103; 02/12/2022 - 3806; 13/7/2023	14.567	14.567	11.600		11.600
7	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10072; 30/11/2022	9.072	9.072	9.000		9.000
8	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10113; 05/12/2022	11.346	11.346	11.340		11.340
9	Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10114; 05/12/2022	11.344	11.344	11.300		11.300
10	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	2925; 25/5/2023	11.303	11.303	11.300		11.300
11	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	2926; 25/5/2023	11.808	11.808	11.800		11.800
12	Xây mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	3079; 05/6/2023	4.500	4.500	4.000		4.000
13	Đầu tư xây dựng trụ cấp nước PCCC trên địa bàn các phường: Hòa Lạc, Trần Phú, Ka Long, Ninh Dương	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD		5.300	5.300	5.000		5.000
X	Lĩnh vực quản lý nhà nước	1						4.130	4.130	4.000	0	4.000
1	Cải tạo, sửa chữa hội trường tầng 01, trụ sở Thành ủy Móng Cái	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD		4.130	4.130	4.000		4.000
XI	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các Phường	19						56.699	52.561	51.463	0	51.463
I	Phường Ka Long	1						2.033	2.033	2.020	0	2.020
1.1	Cải tạo nâng cấp các công qua đường trên địa bàn phường Ka Long, TP Móng Cái	1	C	2022-2023	Cải tạo, nâng cấp 28 công qua đường	UBND phường Ka Long	495; 03/12/2021	2.033	2.033	2.020		2.020

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTBT/phê duyệt DA	KH 2021-2025				Ghi chú	
								Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số		Năm 2021
2	Phường Bình Ngọc	3						11.088	10.838	10.660	0	10.660	
2.1	Sửa chữa, bổ sung các hạng mục trụ sở UBND phường Bình Ngọc	1	C	2022	Cải tạo, sửa chữa trụ sở	UBND phường Bình Ngọc	850-27/01/2022	906	906	900		900	
2.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh lộ 335 từ Trụ sở UBND phường Bình Ngọc đi Mũi Ngọc, phường Bình Ngọc	1	C	2022-2024	Xây dựng tuyến chiếu sáng L=3,7 km	BQL dự án DTXD	15229; 13/12/2021	7.083	7.083	6.910		6.910	
2.3	Xây dựng Nhà văn hóa khu 4, phường Bình Ngọc	1	C	2023-2025		UBND phường Bình Ngọc	134/NQ-HDND; 14/11/2022	3.100	2.850	2.850		2.850	
3	Phường Hòa Lạc	1						878	878	870	0	870	
3.1	Phường Hòa Lạc	1	C	2022	Sửa chữa nhà chính, khu vệ sinh, khuôn viên	UBND phường Hòa Lạc	16368; 31/12/2021	878	878	870		870	
4	Phường Ninh Dương	5						6.802	6.177	6.275	0	6.275	
4.1	Xây dựng tuyến công nước thải tổ 23, 26 khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Xây dựng tuyến công nước thải với tổng chiều dài tuyến khoảng L = 193,17m	UBND phường Ninh Dương	16349; 31/12/2021	803	803	900		900	
4.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến công thoát nước tổ 8, khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1	C	2022	Tuyến công thoát nước có tiết diện BxH = 1,0x1,0m, chiều dài L=270,91m	UBND phường Ninh Dương	16348; 31/12/2021	1.169	1.169	1.170		1.170	
4.3	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè trước nhà văn hóa khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lát diện tích vỉa hè 404,14m ²	UBND phường Ninh Dương	16350; 31/12/2021	556	556	555		555	
4.4	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Khuyến, khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lát diện tích vỉa hè 1.139m ²	UBND phường Ninh Dương	16351; 31/12/2021	875	450	450		450	
4.5	Xây dựng Nhà văn hóa khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		UBND phường Ninh Dương	134/NQ-HDND; 14/11/2022	3.400	3.200	3.200		3.200	
5	Phường Trà Cỏ	1						3.494	3.193	3.000	0	3.000	
5.1	Xây mới nhà văn hóa khu Trà Cỏ, phường Trà Cỏ	1	C	2022-2023	Xây mới nhà văn hóa khu Trà Cỏ, sửa chữa nhà văn hóa khu Trà Cỏ	UBND phường Trà Cỏ	16504; 31/12/2021	3.494	3.193	3.000		3.000	
6	Phường Hải Hòa	5						19.428	18.546	17.938	0	17.938	
6.1	Cải tạo công thoát nước thải khu dân cư sau cây xăng khu 8, phường Hải Hòa	1	C	2022-2023	L = 658,8m	UBND phường Hải Hòa	962; 15/12/2021	2.143	2.143	2.140		2.140	
6.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Trần Quang Khải từ khu 8 đi khu 2, phường Hải Hòa	1	C	2022	L = 1,76km	UBND phường Hải Hòa	963; 15/12/2021	648	648	648		648	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
6.3	Xây mới Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa		5.461	5.000	4.800		4.800
6.4	Xây mới Nhà văn hóa khu 4, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa		5.455	5.455	5.250		5.250
6.5	Xây mới Nhà văn hóa khu 8, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa		5.721	5.300	5.100		5.100
7	Phường Hải Yên	2						9.175	7.395	7.350	0	7.350
7.1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		UBND phường Hải Yên	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	4.230	3.450	3.450		3.450
7.2	Xây mới nhà văn hoá khu phố 1, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		UBND phường Hải Yên	4623; 22/8/2023	4.945	3.945	3.900		3.900
8	Phường Trần Phú	1						3.800	3.500	3.350	0	3.350
8.1	Xây mới Nhà văn hóa khu 2, phường Trần Phú	1	C	2024-2026		UBND phường Trần Phú		3.800	3.500	3.350		3.350
XII	Chương trình xây dựng nông thôn mới	27						144.345	137.296	103.509	21.749	81.760
I	Các dự án chung	8						71.300	71.300	37.800	1.516	36.284
1.1	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1						10.000	10.000	2.000		2.000
1.2	Kinh phí hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Nghị quyết số 194 của HĐND tỉnh Quảng Ninh Khóa XIII	1						10.000	10.000	8.000		8.000
1.3	Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề án OCOP thành phố Móng Cái đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; kinh phí hỗ trợ chương trình OCOP năm 2022	1						25.000	25.000	3.000		3.000
1.4	Hỗ trợ Thành lập mới HTX; phát triển HTX	1						2.500	2.500	2.000		2.000
1.5	Quy hoạch xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu	1						9.800	9.800	9.800		9.800
1.6	Kinh phí hoạt động của BCD	1						1.500	1.500	1.000		1.000
1.7	Kinh phí tuyên truyền	1						2.500	2.500	2.000		2.000
1.8	Kinh phí tổ chức và trao thưởng cho các cuộc thi thuộc chương trình NTM trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025	1						10.000	10.000	10.000	1.516	8.484
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới các Xã	19						73.045	65.996	65.709	20.233	45.476
a	<i>Xã Bắc Sơn</i>	7						15.059	13.042	13.158	6.900	6.258

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
a1	Thôn đạt chuẩn NTM Thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C	2020-2021	Sửa chữa nhà văn hóa, hệ thống chiếu sáng đường thôn Lục Phú	BQL dự án DTXD	9614; 04/12/2020	2.908	2.033	2.525	2.090	435	
a2	Vườn hoa, khuôn viên, cây xanh, rãnh thoát nước thải dọc các trục đường thôn Pec Nả, Phình Hồ và Thán Phun	1	C	2020-2022	thoát nước Pec Nả; Xây bồn hoa	UBND xã Bắc Sơn	157; 11/12/2020	696	516	470	410	60	
a3	Nâng cấp tuyến đường thôn Pec Nả, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Lắp đặt cột, 35 bóng điện cao áp	UBND xã Bắc Sơn	206; 24/8/2021	2.624	2.081	1.990	1.108	882	
a4	Hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư thôn Pec Nả, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Sửa chữa nhà văn hóa, vệ sinh, tường rào	UBND xã Bắc Sơn	207; 24/8/2021	973	872	842	467	375	
a5	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Pec Nả, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022		UBND xã Bắc Sơn	208; 24/8/2021	441	441	341	315	26	
a6	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, khu dân cư thôn Phình Hồ, Thán Phun, Pec Nả	1	C	2020-2022	L = 2,32 km	BQL dự án DTXD	9662; 07/12/2020	4.007	4.007	3.900	2.100	1.800	
a7	Xây dựng Diêm tập kết và mua xe thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn	1	C	2020-2022	Xây 10 điểm tập kết rác, xe rác	UBND xã Bắc Sơn	156; 11/12/2020	449	410	410	410	0	
a8	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường bán 10 hộ, thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn		2.961	2.682	2.680		2.680	
b	Xã Vạn Ninh	7						17.913	16.216	16.236	10.962	5.294	
b1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Cầu Voi	1	C	2021-2022	Sửa chữa tuyến đường 76m, xây rãnh thoát 176m, xây bồn hoa, cây xanh	UBND xã Vạn Ninh	54; 08/12/2020	838	779	779	695	84	
b2	Chỉnh trang, mở rộng lề đường, xây dựng rãnh thoát nước 02 bên đường ngõ xóm Thôn Bắc, Thôn Nam	1	C	2021-2022	L=671m	UBND xã Vạn Ninh	55; 08/12/2020	1.134	721	721	640	81	
b3	Lắp đặt hệ thống đèn cao áp tuyến đường trục chính xã	1	C	2021-2022	L=1579m	UBND xã Vạn Ninh	58; 08/12/2020	983	506	506	465	41	
b4	Nâng cấp khu thể thao trung tâm xã gắn với điểm di tích văn hóa	1	C	2021-2022	San nền 4920m ² , thoát nước	UBND xã Vạn Ninh	57; 08/12/2020	724	671	671	550	121	
b5	Xây dựng 01 công xã, 01 công thôn	1	C	2021-2022	Công chào xã, công chào thôn Nam	UBND xã Vạn Ninh	56; 08/12/2020	701	519	519	435	84	
b6	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt các thôn thôn Đông, thôn Trung, Thôn Cầu Voi trên địa bàn xã Vạn Ninh	1	C	2021-2022	L = 6,9 km	BQL dự án DTXD	9894; 11/12/2020	10.533	10.219	10.260	8.177	2.083	
b7	Xây mới Nhà văn hóa thôn cầu voi, xã Vạn Ninh	1	C			UBND xã Vạn Ninh		3.000	2.800	2.800		2.800	
c	Xã Hải Xuân	4						10.875	10.343	9.739	2.371	7.368	
c1	Xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới thôn 3, thôn 4, thôn 6	1	C			UBND xã Hải Xuân	3168; 29/4/2022	5.929	5.639	5.550		5.550	
c2	Sửa chữa, xây mới các tuyến đường ngõ, xóm trên địa bàn xã Hải Xuân	1	C			UBND xã Hải Xuân	226; 19/8/2021	1.031	812	679	472	207	
c3	Xây mới công khu Hồ Nam (thôn 1,2,3,4); thôn 8, thôn 10a, thôn 10b, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	Xây mới Công Khu Hồ Nam (Thôn 1,2,3,4); Thôn 8; Thôn 10a; Thôn 10b.	UBND xã Hải Xuân	246; 17/10/2021	911	888	850	489	361	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
c4	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thôn 3, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	L = 1,65 km	BQL dự án ĐTXD	14714; 02/12/2021	3.004	3.004	2.660	1.410	1.250
d	Xã Quang Nghĩa	1	C			UBND xã Quang Nghĩa	3158; 29/4/2022	8.214	7.423	7.370	0	7.370
d1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3, 4, 5, xã Quang Nghĩa	1	C			UBND xã Quang Nghĩa	3158; 29/4/2022	8.214	7.423	7.370		7.370
e	Xã Hải Sơn	2	C			UBND xã Hải Sơn	3160; 29/4/2022	3.500	3.230	3.219	0	3.219
e1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Lục Chấn, Thán Phú xã, xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3160; 29/4/2022	2.456	2.331	2.320		2.320
e2	Chính trang, nâng cấp chợ Pò Hèn, Xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn		1.044	899	899		899
g	Xã Hải Tiến	2	C			UBND xã Hải Tiến	3165; 29/4/2022	5.032	4.081	4.326	0	4.326
g1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3A, 3B, 6, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến	3165; 29/4/2022	2.263	1.866	2.116		2.116
g2	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng Thôn 1, 3A, 3B, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến		2.769	2.215	2.210		2.210
h	Xã Hải Đông	1	C			UBND xã Hải Đông	3166; 29/4/2022	4.530	4.295	4.290	0	4.290
h1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 2,3,4,11, xã Hải Đông	1	C			UBND xã Hải Đông	3166; 29/4/2022	4.530	4.295	4.290		4.290
i	Xã Vĩnh Thực	2	C			UBND xã Vĩnh Thực	3157; 29/4/2022	5.689	5.503	5.496	0	5.496
i1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3, xã Vĩnh Thực	1	C			UBND xã Vĩnh Thực	3157; 29/4/2022	3.681	3.517	3.510		3.510
i2	Đường điện thấp sáng tuyến đường từ ngã 3 tới cảng Vạn Gia (đường liên xã); từ ngã 3 tới trung tâm UBND xã Vĩnh Thực	1	C			UBND xã Vĩnh Thực		2.008	1.986	1.986		1.986
k	Xã Vĩnh Trung	1	C			UBND xã Vĩnh Trung	3167; 29/4/2022	2.233	1.863	1.855	0	1.855
k1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3,4 xã Vĩnh Trung	1	C			UBND xã Vĩnh Trung	3167; 29/4/2022	2.233	1.863	1.855		1.855
XIII	Công trình, dự án thực hiện Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND	5						13.498	13.250	13.225	0	13.225
1	Xã Hải Sơn	2						7.400	7.311	7.305	0	7.305
1.1	Xây mới kênh Mã Thầu Sán thôn Thán Phú Xã, xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3161; 29/4/2022	2.412	2.387	2.385		2.385
1.2	Xây mới Nhà hoạt động thể chất trường Tiểu học & THCS Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3159; 29/4/2022	4.988	4.924	4.920		4.920
2	Xã Bắc Sơn	3						6.099	5.940	5.920	0	5.920
2.1	Xây mới kênh tưới thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3162; 29/4/2022	1.543	1.489	1.480		1.480
2.2	Xây mới kênh tưới thôn Thán Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3163; 29/4/2022	2.022	1.989	1.980		1.980
2.3	Thay thế ống dẫn nước tưới để phục vụ sản xuất thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3164; 29/4/2022	2.534	2.462	2.460		2.460
XIV	Lĩnh vực khác	12						8.975	8.975	7.797	4.215	3.582

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QB phê duyệt CTDĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương (guy đất thu hồi của Công ty Cao su)	1				Phòng Quản lý đô thị	8946; 12/11/2020	49	49	45	45	0	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm hội nghị tiệc cưới, nhà hàng, khách sạn tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8940; 12/11/2020	108	108	100	100	0	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư thôn 10B, thôn 5, thôn 8, xã Hải Xuân	1				Phòng Quản lý đô thị	8949; 12/11/2020	492	492	480	480	0	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu Thượng Trung, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8837; 09/11/2020	473	473	470	470	0	
5	Đề án Phát triển du lịch thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	1				Phòng Văn hóa thông tin	5371; 08/7/2021	486	486	446	170	276	
6	Đề án phát triển hạ tầng môi trường thủy sản thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	2.746	2.746	2.689	950	1.739	
7	Đề án bảo vệ rừng ngập mặn gắn với khai thác lợi thế từ rừng ngập mặn để phục vụ phát triển du lịch thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	1.150	1.150	1.073	400	673	
8	Đề án Phát triển sản phẩm OCCOP thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	442	442	441	155	286	
9	Đề án xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	935	935	933	325	608	
10	Chương trình phát triển đô thị thành phố Móng Cái đến năm 2030	1				Phòng Quản lý đô thị	5350; 07/07/2021	1.259	1.259	300	300		
11	Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Đất ở tại thôn 10A, thôn 10B, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				Phòng Quản lý đô thị	8950; 12/11/2020	347	347	340	340	0	
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Một số điểm dân cư xã Hải Sơn, Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	8948; 12/11/2020	489	489	480	480	0	
XV	Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025	21						61.575	58.851	50.852	0	50.852	
1	Sửa chữa, xây mới nương tưới đập Giếng Cỏi, Văn Sơn thôn 1, thôn 2, thôn 3 xã Vĩnh Thục	1				UBND xã Vĩnh Thục	1617; 22/3/2023	3.068	2.908	2.836		2.836	
2	Nâng cấp tuyến đường trục chính nội đồng thôn 7 đến công xã thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	5.600	5.300	4.813		4.813	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
3	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ ngã ba bưu điện xã đến bến cá Trần Hưng Đạo, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	783	685	666		666
4	Tuyến điện chiếu sáng thôn 4, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	1.500	1.450	866		866
5	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.234		2.234
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trạm khí tượng đến nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.154	2.020	1.964		1.964
7	Xây mới tuyến kênh mương nội đồng phục vụ tưới tiêu thôn 6, thôn 11, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.600	2.199	2.017		2.017
8	Sửa chữa ngầm tran Péc Nà II, xã Bắc Sơn	1				UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	2.900	2.835	2.283		2.283
9	Xây mới nhà văn hóa thôn Lục Chấn, xã Hải Sơn	1				UBND xã Hải Sơn	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	1.983		1.983
10	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.600	2.550	2.400		2.400
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thôn 1, thôn 2 xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	1.802	1.731	1.699		1.699
12	Nhà đa năng trường tiểu học Quảng Nghĩa	1				BQL dự án ĐTXD	1617; 22/3/2023	5.690	5.640	4.961		4.961
13	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn, ngõ xóm trên địa bàn xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vĩnh Thực	1617; 22/3/2023	4.440	4.180	3.800		3.800
14	Tuyến điện chiếu sáng thôn 3, thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	2.880	2.810	1.800		1.800
15	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 2, xã Hải Tiến	1				UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	1.735	1.691	1.230		1.230
16	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Tiến	1				UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200		2.200
17	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Hải Tiến	1				UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200		2.200
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Nam, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	4.400	4.100	4.000		4.000
19	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư thôn Péc Nà và thôn Thán Phùn xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái.	1				UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	4.000	3.800	2.900		2.900
20	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư xóm Đồi Tây thôn Pò Hên và xóm 26 hộ thôn Thán Phùn xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái.	1				UBND xã Hải Sơn	1617; 22/3/2023	2.623	2.492	1.600		1.600
21	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, thôn 3, xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.800	2.660	2.400		2.400

Số: 223/BC-HĐND

Móng Cái, ngày 09 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và thực hiện phân công của Thường trực HĐND Thành phố, Ban Kinh tế - Xã hội HĐND Thành phố tiến hành thẩm tra dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND Thành phố kèm theo Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 02/11/2023 của UBND thành phố¹; Ban tổng hợp báo cáo HĐND Thành phố về kết quả thẩm tra như sau:

1. Về sự cần thiết và thẩm quyền thông qua:

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Tỉnh², của HĐND Thành phố³ đã ban hành và để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố theo các chủ trương, giải pháp phù hợp thực tiễn trong tình hình mới; căn cứ Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy số 1124-TB/TU ngày 02/11/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2021-2025. Việc trình HĐND Thành phố điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Về nội dung tờ trình và dự thảo nghị quyết:

* Nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị quyết UBND Thành phố đề xuất bao gồm:

(1) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025: (i) Bổ sung 2.582 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố thực hiện Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025⁴ (Biểu số 01). Điều chỉnh: giảm 2.582 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất đã phân bổ cho 05 dự án; tăng 2.582 triệu đồng cho Dự kiến cân đối nguồn cho

¹ Ngày 09/11/2023, Ban KTXH nhận được Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 02/11/2023 của UBND Thành phố.

² Các Nghị quyết số: 76/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; 125/NQ-HĐND ngày 04/11/2022; 152/NQ-HĐND ngày 12/7/2023.

³ Các Nghị quyết số: 82/NQ-HĐND ngày 17/12/2021; 93/NQ-HĐND ngày 12/4/2022, 105/NQ-HĐND ngày 27/5/2022, 122/NQ-HĐND ngày 22/7/2022, 135/NQ-HĐND ngày 14/11/2022, 144/NQ-HĐND ngày 15/12/2022, 153/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 và 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025.

⁴ Tại các Quyết định của UBND tỉnh: số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022; số 1991/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023; Văn bản số 3896/QTC-QLNS ngày 03/8/2023 của Sở Tài chính về việc phân bổ, điều chỉnh vốn đầu tư công thực hiện Chương trình xây dựng NTM năm 2023.

các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư. (i2) Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: điều chỉnh giảm 282 triệu đồng dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn; tăng cho 01 dự án (Biểu số 02). (i3) Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: điều chỉnh giảm 110.000 triệu đồng của Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư cho 15 dự án khởi công mới (Biểu số 03).

(2) Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND thành phố Móng Cái: (i1) Sửa đổi Khoản 3.1, Điều 1: tăng 2.582 triệu đồng vốn đầu tư ngân sách thành phố Móng Cái, kế hoạch sau điều chỉnh 3.467.954 triệu đồng; (i2) Sửa đổi Khoản 3.2, Điều 1: tăng 2.582 triệu đồng tổng số kế hoạch vốn, kế hoạch sau điều chỉnh tổng số kế hoạch vốn 3.467.954 triệu đồng; (i3) Sửa đổi Khoản 3.3, Điều 1: dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 (Biểu số 04): 42 dự án, kế hoạch 387.000 triệu đồng; dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 (Biểu số 05): 163 dự án, kế hoạch 2.303.970 triệu đồng; Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư: 350.984 triệu đồng.

* Qua thẩm tra, tập thể Ban Kinh tế - Xã hội cơ bản thống nhất với phương án đề xuất điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách cấp thành phố theo Tờ trình số 245/TTr-UBND của UBND Thành phố. Theo đó, UBND Thành phố bám sát các quy định của pháp luật, chỉ đạo của Tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các dự án trong kế hoạch; Danh mục và kế hoạch vốn trung hạn cho các dự án bổ sung nằm trong khả năng cân đối nguồn lực của thành phố, đã xem xét đến kiến nghị chính đáng của cử tri, đề nghị UBND Thành phố tiếp tục quan tâm một số nội dung sau:

(1) Về bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của các dự án chuyển tiếp, dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án khởi công mới¹ trong giai đoạn 2023-2025: phải đảm bảo điều kiện bố trí vốn trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 52 Luật đầu tư công năm 2019. Do vậy, đề nghị UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo rà soát các dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán, bổ sung đồng thời, cập nhật đầy đủ các thông tin, nội dung chi tiết của 05 dự án đang trình điều chỉnh chủ trương đầu tư tại kỳ họp này² và các dự án do UBND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư để hoàn thiện nghị quyết trước khi HĐND Thành phố thông qua. Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch, các chủ đầu tư cần đẩy nhanh việc quyết toán các dự án hoàn thành đảm bảo các nguyên tắc về thời gian, chất lượng dự án nhóm B, C gắn với quản lý khai thác có hiệu quả các tài sản công hoàn thành sau đầu tư, hạn chế thấp nhất việc điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc đề xuất HĐND Tỉnh xem xét kéo dài thời

¹ Chi xem xét trình HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc UBND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư theo Nghị quyết số 138/NQ-UBND ngày 14/11/2022 của HĐND Thành phố về giao UBND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Móng Cái) đảm bảo các nhiệm vụ chi đầu tư thuộc thẩm quyền HĐND thành phố theo các Nghị quyết của HĐND Tỉnh số 303/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020, số 46/NQ-HĐND ngày 13/11/2021, số 16/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023, các dự án đảm bảo các quy định, nguyên tắc (phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, tiêu chí tiêu chuẩn của đô thị, nông thôn...), thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư...

² Trên cơ sở quyết nghị của HĐND thành phố thông qua hủy bỏ, điều chỉnh chủ trương đầu tư (05 dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư về thời gian thực hiện và bổ sung quy mô đầu tư).

gian bố trí vốn đối với những dự án đầu tư công do HĐND Thành phố thông qua.

(2) Tiếp tục rà soát, xác định rõ từng địa chỉ thu, số kinh phí thu, thời điểm thu đối với các khoản thu từ đất (nguồn dành cho chi đầu tư phát triển), nguồn thu xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác... làm rõ phương án sử dụng nguồn vốn còn lại chưa phân bổ trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 và đề xuất phương án phân bổ chi tiết đảm bảo theo đúng quy định, đảm bảo khả năng cân đối nguồn lực đầu tư trong những năm còn lại của kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của Thành phố; tránh nợ đọng xây dựng cơ bản.

(3) UBND Thành phố quan tâm chỉ đạo khắc phục ngay tình trạng chậm trễ trong công tác chuẩn bị đầu tư và tăng cường chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án; khắc phục triệt để tình trạng chưa phù hợp hoàn toàn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư dự án kém chất lượng, đầu tư dàn trải, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác, thiếu căn cứ nguồn lực; chỉ quyết định chủ trương đầu tư khi đã thẩm định, làm rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, bố trí vốn cho từng chương trình, dự án, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện.

(4) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về đầu tư công. Kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn.

(5) Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, tiếp tục rà soát từng dự án với nguyên tắc đảm bảo hiệu quả đầu tư. Hoàn thành dứt điểm các khu tái định cư, sớm ổn định cuộc sống cho người dân bị ảnh hưởng bởi giải phóng mặt bằng. Xem xét điều chỉnh những dự án dù đã được ghi trong danh mục, được ưu tiên, đã có chủ trương, nghị quyết nhưng không hiệu quả hoặc dễ xảy ra sai phạm, tiêu cực trong công tác quản lý thì không triển khai.

(6) Đối với nguồn dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư còn còn khá chậm, kinh phí lớn (350.984 triệu đồng, chiếm 10,1% trong tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025) theo quy định chưa phân bổ vốn cụ thể cho các dự án, cũng chưa có nghị quyết, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 52 Luật đầu tư công 2019. Đề nghị tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, xã phường căn cứ định hướng đầu tư, mục tiêu cụ thể về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong giai đoạn 2024-2025, thực hiện rà soát, đề xuất các dự án đầu tư cần thiết, dự án động lực, dự án gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án thực hiện định hướng của Đảng bộ thành phố đưa 3 xã lên phường, hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu của đô thị loại 2 hướng tới tiêu chí đô thị loại 1... gắn với khả năng cân đối nguồn vốn để báo cáo HĐND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư (theo thẩm quyền) hoặc do UBND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư¹, đảm bảo quy định của Luật đầu tư công 2019. Đồng thời cần tích cực thực hiện công tác chuẩn bị các thủ tục đầu tư đảm bảo các điều kiện để phân bổ nguồn lực trình HĐND Thành phố kỳ họp cuối năm 2023 và

¹ Theo Nghị quyết số 138/NQ-UBND ngày 14/11/2022 của HĐND Thành phố.

chuẩn bị kế hoạch đầu tư công năm 2024-2025.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, kính trình HĐND Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Thành uỷ, TT HĐND TP (B/c);
- TT UBND Thành phố;
- ĐB HĐND Thành phố khóa XXI;
- Khối MTTQ và Các đoàn thể thành phố;
- Các phòng, ban và UBND các xã phường;
- Thành viên Ban KTXH HĐND Thành phố;
- VP1, P2, V2, V4;
- Lưu: VT./.

**TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hậu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI**

Số: /NQ-HĐND
“Dự thảo”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Móng Cái, ngày 14 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công
trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
KHÓA XXI - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy số 1124-TB/TU ngày 02 tháng 11 năm 2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Móng Cái; Báo cáo thẩm tra số 223/BC-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận thống nhất của các Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố, như sau:

1. Về nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung:

Tuân thủ theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 17/12/2021. Bổ sung danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các dự án theo chủ trương, kết luận của Thành ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và

các dự án đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách cấp thành phố giai đoạn 2021-2025 cần bổ sung kế hoạch vốn để phù hợp với yêu cầu thực tiễn triển khai, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án hoàn thành, quyết toán; các dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025.

2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025, như sau:

- Bổ sung tăng 2.582 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố thực hiện Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 (*Biểu số 01*).

- Điều chỉnh giảm 2.582 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất đã phân bổ cho 05 dự án; tăng 2.582 triệu đồng cho Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư.

- Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: điều chỉnh giảm 282 triệu đồng dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn; tăng cho 01 dự án (*Biểu số 02*).

- Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: điều chỉnh giảm 110.000 triệu đồng của Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư cho 15 dự án khởi công mới (*Biểu số 03*).

3. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023, cụ thể:

3.1. Sửa đổi Khoản 3.1, Điều 1, Nghị quyết số 163/NQ-HĐND:

Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
	Kế hoạch tại Nghị quyết số 163/NQ-HĐND	Nội dung điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
Vốn đầu tư ngân sách thành phố Móng Cái	3.465.372	2.582	3.467.954
(1) Kế hoạch đã phân bổ năm 2021	576.623		576.623
- Công trình chuyển tiếp	167.125		167.125
- Công trình khởi công mới	409.498		409.498
(2) Kế hoạch giai đoạn 2022-2025	2.888.749	2.582	2.891.331
(i) Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	219.875		219.875

(i2) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022	1.401.834		1.401.834
(i3) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025	382.638	110.000	492.638
(i4) Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn	108.000		108.000
(i5) Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư	458.402	107.418	350.984
(i6) Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn	318.000		318.000

3.2. Sửa đổi Khoản 3.2, Điều 1, Nghị quyết số 163/NQ-HĐND:

ST T	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
		Kế hoạch tại Nghị quyết số 163/NQ-HĐND	Nội dung Điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
	TỔNG SỐ	3.465.372	2.582	3.467.954
1	Các dự án, công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	387.000		387.000
2	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022	1.811.332	0	1.811.332
3	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025	382.638	110.000	492.638
4	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn	108.000		108.000
5	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư	458.402	-107.418	350.984
6	Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn	318.000		318.000

3.3. Sửa đổi Khoản 3.3, Điều 1, Nghị quyết số 163/NQ-HĐND:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh:

(1) Dự án, công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: 42 dự án, công trình; kế hoạch là 387.000 triệu đồng (Chi tiết điều chỉnh tại Biểu số 04).

(2) Dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 163 dự án, công trình (tăng 27 dự án); kế hoạch là 2.303.970 triệu đồng (tăng 110.000 triệu đồng Nghị quyết số 163/NQ-HĐND)¹ (Biểu số 05).

(3) Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai

¹ Trong đó: năm 2021 là 409.498 triệu đồng; giai đoạn 2022-2025 là 1.894.472 triệu đồng.

đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư: 350.984 triệu đồng (giảm 107.418 triệu đồng so với Nghị quyết số 163/NQ-HĐND).

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, nội dung trình. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm điểm tiến độ, chất lượng công trình, dự án và kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm người đứng đầu, cơ quan, đơn vị và chủ đầu tư trong thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; trong việc đề xuất và thực hiện các công trình, dự án đầu tư đã phê duyệt, nhất là chỉ đạo điều hành giải phóng mặt bằng, rà soát, đánh giá các hạng mục phá dỡ công trình hiện đang sử dụng (xác định giá trị còn lại của tài sản và phương án thu hồi vật liệu do phá dỡ, đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí; thực hiện phê duyệt điều chỉnh Quyết định phê duyệt dự án, bổ sung đầy đủ danh mục tài sản đề nghị thanh lý, đảm bảo công tác thanh lý thực hiện dự án đúng quy định); tháo gỡ những khó khăn vướng mắc nảy sinh trong quá trình thi công để đảm bảo đúng tiến độ, giải ngân theo chỉ đạo của Tỉnh, Thành phố. Thực hiện siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công và xử lý nghiêm vi phạm; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các mục tiêu, hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch, không để xảy ra tiêu cực, lợi ích nhóm.

- Khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư, làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, nâng cao tính sẵn sàng, tính khả thi, khả năng triển khai thực hiện dự án. Tiếp tục rà soát các chương trình, dự án đang triển khai có nhu cầu bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn để phân bổ chi tiết hết nguồn vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn làm căn cứ để triển khai kế hoạch đầu tư hàng năm và xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật đầu tư công năm 2019 đối với chương trình, dự án có thời gian thực hiện 2 kỳ kế hoạch đầu tư công liên tiếp; xem xét điều chỉnh những dự án dù đã được ghi trong danh mục, được ưu tiên, đã có chủ trương, nghị quyết nhưng không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, không phát huy hiệu quả hoặc để xảy ra sai phạm, tiêu cực trong công tác quản lý thì không triển khai. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

2. Các nội dung khác không quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này thì thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố số: 82/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021; 93/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022; 105/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022; 122/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022; 135/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022; 144/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022; 153/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 và 163/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023.

3. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XXI, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT: HĐND và UBND tỉnh (B/c);
- Ban KT-NS HĐND Tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tư pháp, Tài chính;
- TT: Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố;
- Các đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại TP;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH TP (P/h);
- Các Ban, các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các phòng, ban, cơ quan đơn vị thuộc TP;
- TT: HĐND, UBND các xã phường;
- Trung tâm TT và VH, công TTĐT TP;
- VP: Thành ủy; HĐND-UBND (VP1, P1, P2, V2, V6 và V8);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đô

BỘ SƯNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025 đã được phê duyệt (nguồn sử dụng đất)			Bổ sung kế hoạch 2021-2025 (nguồn tính hỗ trợ)			Điều chỉnh giám kế hoạch 2021-2025 (nguồn sử dụng đất)			Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
		Số; Ngày, tháng, năm	TMBĐT		Tổng	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng	Năm 2021	Năm 2022-2025	
			Tổng	NSTP													
	TỔNG CỘNG			11.237	10.468	10.330	0	10.330	2.582	0	2.582	2.582	0	2.582	0	12.912	
I	Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025			11.237	10.468	10.330	0	10.330	2.582	0	2.582	2.582	0	2.582	0	12.912	
1	Tuyến điện chiếu sáng thôn 3, thôn 5, xã Hải Đông	2005; 04/4/2023		1.951	1.838	1.800		1.800	910		910	910		910	0	2.710	
2	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 2, xã Hải Tiến	1949; 03/4/2023		1.305	1.234	1.230		1.230	330		330	330		330	0	1.560	
3	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Tiến	1944; 03/4/2023		2.356	2.234	2.200		2.200	500		500	500		500	0	2.700	
4	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Hải Tiến	1950; 03/4/2023		2.354	2.247	2.200		2.200	500		500	500		500	0	2.700	
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư thôn Péc Nà và thôn Thán Phún xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái.	1952; 03/4/2023		3.271	2.915	2.900		2.900	342		342	342		342	0	3.242	

ĐIỀU CHỈNH CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025 phê duyệt tại NQ 82,93,104,122,144, 153 và 163 của HĐND Thành phố			Điều chỉnh Kế hoạch 2021-2025			Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú	
		Số; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021		Năm 2022-2025
			Tổng cộng	Trong đó: NSTP												
	TỔNG CỘNG		54.238	5.897	2.506	13.882	0	13.882	0	0	0	13.882	0	13.882		
1	Nâng cấp đại lộ Hòa Bình, đoạn từ km2 đến cầu Hòa Bình	1704; 01/6/2005	54.238	5.897	2.506	454		454	282		282	736		736		
2	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn					13.428		13.428	-282		-282	13.146		13.146		

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025 đã được phê duyệt		Điều chỉnh tăng Kế hoạch 2021-2025		Điều chỉnh giảm Kế hoạch 2021-2025		Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú	
		Số; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021		Năm 2022-2025
			Tổng cộng	Trong đó: NSTP										
	TỔNG CỘNG		135.377	130.731	458.402	0	458.402	112.582	0	110.000	460.984	0	460.984	
1	Xây mới nhà văn hoá khu phố 1, phường Hải Yên	4623; 22/8/2023	4.945	3.945				3.900			3.900		3.900	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính Thôn 9 từ giáp Quốc lộ 18 đến ngã ba đi Nhà văn hóa trung tâm xã Hải Đông		10.449	10.449				9.800			9.800		9.800	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa đến công chèo thôn 4, xã Quảng Nghĩa	4616; 22/8/2023	9.700	9.700				9.200			9.200		9.200	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 đến đường Trần Hưng Đạo, khu Hồng Phong, phường Ninh Dương		11.661	11.661				11.000			11.000		11.000	
5	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè tuyến đường từ Đồn Biên phòng đến trường Mầm non xã Hải Sơn		10.621	10.621				10.000			10.000		10.000	
6	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Vỹ, phường Trà Cổ		10.737	10.737				10.000			10.000		10.000	
7	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Lô, phường Trà Cổ	4622; 22/8/2023	8.297	8.297				7.800			7.800		7.800	
8	Đầu tư xây dựng trụ cấp nước PCCC trên địa bàn các phường: Hòa Lạc, Trần Phú, Ka Long, Ninh Dương		5.300	5.300				5.000			5.000		5.000	
9	Xây mới nhà vệ sinh công cộng kết hợp bãi đỗ xe tạm tại phường Trần Phú		6.100	6.100				5.800			5.800		5.800	
10	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè đường Doan Tĩnh, phường Hải Yên (Đoạn từ cầu Trảng Vinh đến nút giao đường Trần Hưng Đạo)		33.000	30.536				15.000			15.000		15.000	
11	Xây mới Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Hòa		5.461	5.000				4.800			4.800		4.800	
12	Xây mới Nhà văn hóa khu 4, phường Hải Hòa		5.455	5.455				5.250			5.250		5.250	
13	Xây mới Nhà văn hóa khu 8, phường Hải Hòa		5.721	5.300				5.100			5.100		5.100	
14	Xây mới Nhà văn hóa khu 2, phường Trần Phú		3.800	3.500				3.350			3.350		3.350	
15	Cải tạo, sửa chữa hội trường tầng 01, trụ sở Thành ủy Móng Cái		4.130	4.130				4.000			4.000		4.000	
16	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cân hoàn thiện thủ tục đầu tư				458.402		458.402	2.582		110.000	350.984		350.984	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMDT			Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
						Tổng cộng	Trong đó: NSTP						
TỔNG CỘNG						1.183.909	941.570	485.358	42	387.000	167.125	219.875	
1	Cải tạo nâng cấp tuyến công thoát nước khu Hồng Phong, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	C	2019 -2021	BQL dự án ĐTXD	6016; 29/10/19	4.212	4.212	2.896	1	395	395	0	
2	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Tiên, thành phố Móng Cái	C	2019 -2020	BQL dự án ĐTXD	5057; 18/9/19	14.696	14.696	11.550	1	2.139	2.139	0	
3	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Xuân, thành phố Móng Cái	C	2019 - 2021	BQL dự án ĐTXD	5882; 24/10/19	11.956	11.956	9.599	1	1.590	1.590	0	
4	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc tại khu vực đông dân cư thuộc tuyến đường xuyên đảo xã Vĩnh Thực-Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	5586; 11/10/19	8.996	8.996	7.340	1	1.150	1.150	0	
5	Gia cố đoạn xung yếu tuyến đê thôn 1 xã Quảng Nghĩa	C	2019 - 2021	BQL dự án ĐTXD	6115; 31/10/19	5.027	5.027	3.305	1	1.093	498	595	
6	Cải tạo, nâng cấp hồ Khe Cầu và liên kết với Hồ Cái Vĩnh, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái.	C	2019 - 2022	BQL dự án ĐTXD	6015; 29/10/19	12.971	12.971	7.609	1	5.300	300	5.000	
7	Hoàn trả kinh phí cho nhà đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cầu phao tạm trên sông Ka Long và các hạng mục công trình đảm bảo hoạt động của cầu phao tạm Km3+Km4, phường Hải Yên, TP Móng Cái (Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL))	C	2018-2019	BQL dự án ĐTXD	140; 8/6/2017	173.334	154.909	69.999	1	72.500	31.000	41.500	
8	Trường THCS Bình Ngọc	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	5163; 23/9/19	37.082	37.082	26.516	1	10.000	10.000	0	
9	Trường mầm non Hải Yên	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	6112; 31/10/19	34.116	34.116	9.380	1	24.700	11.120	13.580	
10	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm truyền thông và văn hóa	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	4925; 10/9/19	11.083	11.083	9.100	1	1.756	800	956	
11	Chính trang khu dân cư km3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	C	2019-2020	UBND thành phố MC	4406; 30/10/18	131.773	39.532	19.000	1	7.228	1.000	6.228	
12	Hạ tầng Khu dân cư Bắc Đại lộ Hoà Bình, thành phố Móng Cái	C	2018-2022	BQL dự án ĐTXD	3646; 1/8/18	175.558	175.558	73.866	1	76.100	50.230	25.870	
13	Mở rộng tuyến đường phố Thăng Lợi, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5461; 30/10/18	6.705	6.705	4.800	1	800	800	0	
14	Hạ tầng khu tái định cư thôn 5, xã Hải Xuân	C	2018-2021	BQL dự án ĐTXD	4998; 1/10/18	59.931	59.931	34.000	1	25.000	12.600	12.400	
15	Xây mới Trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa	C	2019-2022	BQL dự án ĐTXD	5918; 28/10/19	12.454	12.454	9.600	1	1.890	200	1.690	
16	Xây dựng hồ chứa nước Đầm Ván, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2017	BQL dự án ĐTXD	5381; 29/10/18	14.950	14.950	8.800	1	5.850	800	5.050	
17	Hạ tầng Khu xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	C	2015 - 2016	BQL dự án ĐTXD	5181; 03/12/15	6.526	6.526	2.582	1	3.900		3.900	
18	Cấp nước tập trung liên xã Hải Xuân - Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	C	2018-2021	BQL dự án ĐTXD	5488; 31/10/18	26.082	26.082	21.526	1	4.537		4.537	
19	Hỗ trợ xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (Hạng mục Đường cơ động vào thao trường và Sở chỉ huy diễn tập thành phố Móng Cái)	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5228a; 31/10/17	10.000	10.000	5.000	1	4.310	4.310	0	
20	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm xã Hải Tiên - Hồ Trảng Vinh đến trạm Biên phòng Pò Hên, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021	UBND thành phố MC	4369; 16/10/2019; 2534; 31/8/2022	179.511	109.511	23.299	1	85.688	22.524	63.164	
21	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu đô thị vành đai 2-3 (khu A2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	323; 25/1/17	5.733	5.733	2.189	1	3.500		3.500	
22	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Hải Yên và xã Hải Xuân (ký hiệu A3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4337; 23/12/16	12.046	12.046	6.008	1	6.000		6.000	
23	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu du lịch Trà cổ - Bình Ngọc(khu A6 và một phần khu A5.3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4399; 27/12/16	6.216	6.216	2.130	1	4.000		4.000	
24	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.1 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái dân cư hiện hữu (ký hiệu C3)	C	2017	BQL dự án ĐTXD	322; 25/1/17	917	917	0	1	900		900	

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMDT			Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
						Tổng cộng	Trong đó: NSTP						
25	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.3 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2017	BQL dự án ĐTXD	346; 25/1/17	1.480	1.480	570	1	900		900	
26	GPMB nhà văn hóa xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021		1951; 19/3/21	663	663		1	263	263	0	
27	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên phường Hải Yên - Ninh Dương, thành phố Móng Cái (Đường 4B cũ)	C	2017 - 2018	BQL dự án ĐTXD	4819; 31/10/16	39.200	39.200	31.075	1	900	900	0	
28	Khu dân cư kiểu mẫu phường Ka Long	C	2019-2021	UBND phường Ka Long	86b; 15/10/18	368	368	334	1	29	29	0	
29	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Đông, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	70; 28/10/19	1.605	1.605	1.143	1	147	147	0	
30	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Trung, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	71; 28/10/19	1.918	1.918	1.292	1	272	272	0	
31	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị hiện hữu (ký hiệu A1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4341; 23/12/16	1.756	1.756	650	1	910	910	0	
32	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4339; 23/12/16	3.299	3.299	889	1	2.140	2.140	0	
33	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4340; 23/12/17	4.966	4.966	2.490	1	1.970	1.970	0	
34	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư hiện hữu (ký hiệu C3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4342; 23/12/16	10.780	10.780	6.327	1	3.930	3.930	0	
35	Xây dựng trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long, thành phố Móng Cái	C	2020-2020	BQL dự án ĐTXD	5053; 16/9/19	1.493	1.493	1.180	1	162	162		
36	Nâng cấp trụ sở HĐND - UBND thành phố Móng Cái	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5178; 27/10/17	13.044	13.044	11.520	1	454	454	0	
37	Mở rộng, nâng cấp đường từ ngã 5 Ninh Dương - Cầu Voi, thành phố Móng Cái	C	2012-2013	BQL dự án ĐTXD	3367; 18/10/12	34.901	34.901	28.342	1	962	195	767	
38	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè một số tuyến nội thị khu Đông Bắc chợ, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5062; 25/10/17	14.117	10.191	7.349	1	87	87	0	
39	Hồ chứa nước Cái Vành xã Vĩnh Trung	C	Theo kế hoạch bố trí vốn	BQL dự án ĐTXD	6904; 26/12/13	14.367	14.367	8.431	1	5.680	980	4.700	
40	Chính trang, cải tạo trục đường chính phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2017	BQL dự án ĐTXD	4808; 31/10/16	14.435	14.435	3.000	1	3.230	3.230	0	
41	Nâng cấp đại lộ Hòa Bình, đoạn từ km2 đến cầu Hòa Bình	C		UBND thành phố MC	1704; 01/6/2005	54.238	5.897	2.506	1	736		736	
42	San nền phần diện tích mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái	C		UBND thành phố MC	2062; 11/6/2010 3139; 16/9/2010; 5298; 30/12/2011; 5844; 31/12/2015	9.406		8.165	1	756		756	
44	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn									13.146		13.146	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2023 của HĐND thành phố Móng Cái)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
I	TỔNG CỘNG	163						111.602	111.602	88.473	15.000	73.473	
1	Lĩnh vực Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản Tu bổ, nâng cấp đê Ông Tam, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	1	C	12/2019-12/2022	L = 0,9 km	BQL dự án ĐTXD	1799; 06/3/2020	31.213	31.213	28.090	7.000	21.090	
2	Sửa chữa, nâng cấp đê từ Cầu Voi xã Vạn Ninh đến Miếu Tàu phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	12/2019-12/2022	L = 1,3 km	BQL dự án ĐTXD	2122; 20/3/2020	25.301	25.301	22.770	8.000	14.770	
3	Dự án sửa chữa điểm sạt lở đê thôn 8, xã Hải Xuân	1	C	2022-2023	Xây dựng kè ốp mái L=81m; Gia cố chân đê L=75m	BQL dự án ĐTXD	14881; 06/12/2021	6.329	6.329	5.700		5.700	
4	Làm mới công đê Hân, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2023	Xây mới 01 công; sửa chữa 02 cánh công	BQL dự án ĐTXD	15239; 13/12/2021	3.261	3.261	2.935		2.935	
5	Nạo vét sông Mán Thi, đoạn từ cửa sông (vị trí phân lưu giữa sông Sau và sông Mán Thi) tới cầu Trà Bình, xã Hải Xuân và phường Bình Ngọc thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Nạo vét lòng sông S=22,5ha	BQL dự án ĐTXD	14847; 03/12/2021	29.856	29.856	14.288		14.288	
6	Sửa chữa, nâng cấp công đê biển thôn 2 và thôn 5 xã Hải Đông	1	C	2022	Sửa chữa Công đê dưới đê thôn 2, thôn 5, thay cánh công, hàng rào, bóc dỡ kè sắt	UBND xã Hải Đông	3496; 20/5/2022	691	691	690		690	
7	Kè chắn sóng đầu Đông núi Gió (từ cuối núi Gió đến giáp bến Hên), xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	14.952	14.952	14.000		14.000	
II	Lĩnh vực Giao thông vận tải	13						1.074.305	180.402	170.423	0	170.423	
1	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa	1	C	2022-2024	L= 1,895 km	BQL dự án ĐTXD	15215; 13/12/2021	27.900	27.900	25.110		25.110	
2	Sửa chữa các ngầm tràn thuộc tuyến dẫn vào rừng phòng hộ thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngầm tràn 63,7m	BQL dự án ĐTXD	15236; 13/12/2021	2.245	2.245	2.123		2.123	
3	Nâng cấp, sửa chữa các công qua đường thuộc tuyến đường vào bản Lý Ló, thôn Thán Phấn, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngầm tràn 71 m; xử lý 01 công	BQL dự án ĐTXD	15237; 13/12/2021	2.958	2.958	2.870		2.870	
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bến Cái Vĩnh và bến Cái Chàm, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2024	L= 2,1 km	BQL dự án ĐTXD	15238; 13/12/2021	14.311	14.311	13.420		13.420	
5	Cải tạo một số tuyến phố phường Ka Long, Ninh Dương, Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	17.500	17.500	15.800		15.800	
6	Thăm nhựa đường Doan Tĩnh, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	10.500	10.500	9.500		9.500	
7	Nâng cấp mặt đường một số tuyến phố khu Hòa Bình, khu Thọ Xuân, phường Hòa Lạc	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	4.144	4.144	3.800		3.800	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QB phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
8	Dường mới từ cửa khẩu Bắc Luân I (vòng xuyên bùng bình Ngân hàng nông nghiệp) đi nút giao cầu Ba Mai, thành phố Móng Cái	1	B	2023-2026		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	943.903	50.000	50.000		50.000	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính Thôn 9 từ giáp Quốc lộ 18 đến ngã ba đi Nhà văn hóa trung tâm xã Hải Đông	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	4616; 22/8/2023	10.449	10.449	9.800		9.800	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa đến công chầu thôn 4, xã Quảng Nghĩa	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	4616; 22/8/2023	9.700	9.700	9.200		9.200	
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 đến đường Trần Hưng Đạo, khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD		11.661	11.661	11.000		11.000	
12	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Vỹ, phường Trà Cổ	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	4622; 22/8/2023	10.737	10.737	10.000		10.000	
13	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Lồ, phường Trà Cổ	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD	4622; 22/8/2023	8.297	8.297	7.800		7.800	
III Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		15						581.063	485.063	464.536	39.131	425.405	
1	Xây dựng khu nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, bộ sung phòng học trường THCS Hải Yên	1	C	2021-2023	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án DTXD	9596; 04/12/2020	21.791	21.791	19.810	8.940	10.870	
2	Xây dựng bộ sung phòng học trường tiểu học Hải Hòa	1	C	2021-2023	Xây nhà học 03 tầng 21 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án DTXD	9447; 03/12/2020	24.434	24.434	23.290	16.691	6.599	
3	Xây dựng nhà ăn Trường tiểu học Ka Long	1	C	2021-2022	Xây dựng nhà ăn 03 tầng	BQL dự án DTXD	7492; 30/09/2020	13.219	7.219	7.219	3.219	4.000	
4	Khu nhà học lý thuyết 03 tầng, Trường tiểu học Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	12/2019 - 12/2022	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học	BQL dự án DTXD	1981; 16/03/2020	19.760	19.760	16.357	10.281	6.076	
5	Xây khu hiệu bộ và bộ sung các phòng học văn hóa, phòng chức năng trường TH Hải Yên	1	C	2022-2024	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án DTXD	15223; 13/12/2021	25.983	25.983	24.000		24.000	
6	Xây dựng bộ sung phòng học và sửa chữa khu nhà học chức năng thành khu hiệu bộ trường THCS Hòa Lạc	1	C	2022-2024	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; Cải tạo nhà hiệu bộ 02 tầng	BQL dự án DTXD	15224; 13/12/2021	25.098	25.098	23.400		23.400	
7	Xây bộ sung phòng học, sửa chữa khu nhà học, nhà hiệu bộ trường Tiểu học Lý Tự Trọng	1	C	2022-2024	Xây nhà học 04 tầng; Xây mới nhà cầu 02 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	BQL dự án DTXD	15213; 13/12/2021	40.014	40.014	38.910		38.910	
8	Xây dựng bộ sung phòng học và cải tạo bếp ăn trường Mầm non Hải Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 03 tầng; Cải tạo, mở rộng nhà bếp ăn; Xây mới 02 nhà cầu và các hạng mục phụ trợ khác	BQL dự án DTXD	15227; 13/12/2021	17.400	17.400	15.660		15.660	
10	Xây dựng bộ sung phòng học, phòng hiệu bộ trường TH&THCS Vinh Trung	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 03 tầng	BQL dự án DTXD	15234; 13/12/2021	20.395	20.395	19.860		19.860	
12	Xây dựng bộ sung phòng học, Khu hiệu bộ và nhà ăn trường Mầm non Bình Ngọc	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 02 tầng; Khởi nhà hiệu bộ 02; nhà bếp 01 tầng	BQL dự án DTXD	15210; 13/12/2021	16.696	16.696	16.030		16.030	
14	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường THPT Trần Phú, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	B	2022-2024		UBND thành phố Móng Cái	4811; 08/7/2022	200.000	200.000	200.000		200.000	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
16	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	B	2023-2026		UBND thành phố Móng Cái	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	94.180	4.180	4.000		4.000	
18	Xây mới, nâng cấp phòng học Trường tiểu học Đào Phúc Lộc, phường Trần Phú	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	40.285	40.285	36.300		36.300	
20	Xây khu hiệu bộ trường tiểu học Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	16.208	16.208	14.600		14.600	
22	Xây dựng Trường mầm non Hải Yến giai đoạn 2	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	5.600	5.600	5.100		5.100	
IV	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin, du lịch	2						15.762	15.762	15.000	6.259	8.741	
1	Biển tên khu du lịch quốc gia Trà Cổ, Móng Cái, Quảng Ninh	1	C	02/6/2021 - 30/9/2021	Xây dựng biểu tượng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	9604; 04/12/2020	9.662	9.662	9.200	6.259	2.941	
2	Xây mới nhà vệ sinh công cộng kết hợp bãi đỗ xe tỉnh tại phường Trần Phú	1	C			BQL dự án ĐTXD		6.100	6.100	5.800		5.800	
V	Lĩnh vực Y tế	2						10.200	10.200	9.556	0	9.556	
1	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15221; 13/12/2021	5.094	5.094	4.746		4.746	
2	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15225; 13/12/2021	5.106	5.106	4.810		4.810	
VI	Lĩnh vực Công nghiệp	4						30.263	30.263	28.005	0	28.005	
1	Đầu tư hệ thống chiếu sáng khu dân cư thôn 9, 10, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Đầu tư mới tuyến điện chiếu sáng có chiều dài tuyến khoảng 3250,0 m	Phòng Quản lý đô thị	71/NQ-HĐND; 10/11/2021	3.800	3.800	2.490		2.490	
2	Đầu tư đường điện và trạm biến áp ra ngọn Hải Đăng Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	9.400	9.400	8.455		8.455	
3	Thay thế hệ thống chiếu sáng công cộng hiện hữu sử dụng bóng Sodium bằng hệ thống đèn Led tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	10.000	10.000	10.000		10.000	
4	Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường trục chính khu dân cư từ thôn 7 đi thôn 2, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	7.063	7.063	7.060		7.060	
VII	Lĩnh vực Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải	4						49.262	46.798	30.140	1.410	28.730	
1	Tuyến rãnh thoát nước mặt khu dân cư tổ 5, khu 7, phường Hải Yến, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	L=350 m	BQL dự án ĐTXD	9615; 04/12/2020	1.492	1.492	1.410	1.410	0	
2	Xây dựng bổ sung hệ thống cấp nước sạch tại thôn Thoi Phi xã Vạn Ninh, thôn 4 xã Hải Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	L=5,61 km	BQL dự án ĐTXD	15235; 13/12/2021	4.149	4.149	3.730		3.730	
3	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè đường Đoàn Tĩnh, phường Hải Yến (Đoạn từ cầu Tráng Vinh đến nút giao đường Trần Hưng Đạo)	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD		33.000	30.536	15.000		15.000	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QB phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
4	Dầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè tuyến đường từ Dồn Biên phòng đến trường Mầm non xã Hải Sơn	1	C	2024-2026		BQL dự án DTXD		10.621	10.621	10.000		10.000	
VIII Lĩnh vực Hạ tầng													
1	Cải tạo, chỉnh trang đô thị tuyến Đại lộ Hòa Bình (đoạn từ Cửa khẩu Quốc tế Móng Cái đến Vòng Xuyên đi Trà Cỏ), thành phố Móng Cái	1	B	2021-2023	L = 1,348 km	BQL dự án DTXD	10305; 21/12/2020; 8748; 07/10/2022	87.996	87.996	83.660	24.000	59.660	
2	Hạ tầng khu tái định cư tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2023	S = 6,1 ha	BQL dự án DTXD	9563; 03/12/2020	109.707	109.707	98.740	34.865	63.875	
3	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cỏ, phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái (Đoạn từ ngã ba ông Thái đến Dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cỏ)	1	B	2021-2023	L=2,0km	BQL dự án DTXD	10304; 21/12/2020	153.537	153.537	138.180	50.000	88.180	
4	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2021-2024	S= 9,7ha	BQL dự án DTXD	10302; 21/12/2020	131.304	131.304	120.345	35.560	84.785	
5	Hạ tầng đất ở tại Khu 7, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	S = 0,2 ha	BQL dự án DTXD	9240; 27/11/2020	2.089	2.089	1.866	1.436	430	
6	Hạ tầng Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương	1	B	2021-2024	S= 9,85ha	BQL dự án DTXD	10303; 21/12/2020	170.250	170.250	153.230	42.200	111.030	
7	Hạ tầng đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội tại trên địa bàn phường Hải Yên	1	C	2020-2023	S= 4,4 ha	BQL dự án DTXD	9598; 04/12/2020	67.267	67.267	60.540	30.000	30.540	
8	Hạ tầng khu quy hoạch di chuyển các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2023	S = 10,22 ha	BQL dự án DTXD	9599; 04/12/2020	108.512	108.512	97.660	31.500	66.160	
9	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1	B	2021-2023	S=10,7 ha	BQL dự án DTXD	152/NQ-HDND; 20/4/2023	280.956	280.956	263.860	57.173	206.687	
10	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S=2,15ha	BQL dự án DTXD	15228; 13/12/2021	25.235	25.235	22.710		22.710	
11	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	S= 0,5 ha	BQL dự án DTXD	15226; 13/12/2021	6.233	6.233	5.790		5.790	
12	Hạ tầng điểm dân cư khu Cửa Diên, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S = 1,43 ha	BQL dự án DTXD	15214; 13/12/2021	18.180	18.180	16.360		16.360	
13	Dự án tái định cư tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	1.210	1.210	1.200		1.200	
14	Dự án tái định cư Lô - X, tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	30.882	30.882	30.800		30.800	
15	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phấn Xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	701; 15/2/2023	4.590	4.590	4.300		4.300	
16	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phấn Xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án DTXD	678; 14/2/2023	9.000	9.000	8.500		8.500	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
17	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	674; 14/2/2023	9.790	9.790	9.300		9.300
18	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	513; 02/2/2023	6.000	6.000	5.700		5.700
IX	Lĩnh vực Quốc phòng, an ninh	13						153.821	153.821	144.250	15.000	129.250
1	Công trình Quốc phòng trong Căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (giai đoạn I)	1	C	2022-2023	Đường hầm chỉ huy, đường công vụ cơ động, nhà bán âm 3 gian, ụ súng	BCH quân sự TPMC	120; 09/6/2021	42.953	42.953	38.660	15.000	23.660
2	Xây dựng kho đạn hóa lực thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Nhà kho đạn hóa lực mái bằng 1 tầng và các hạng mục phụ trợ	BCH quân sự TPMC	97; 20/5/2022	3.404	3.404	3.400		3.400
3	Xây mới Trụ sở Công an xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15230; 13/12/2021	8.812	8.812	8.100		8.100
4	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15222; 13/12/2021	10.066	10.066	9.450		9.450
5	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10071; 30/11/2022	9.346	9.346	9.300		9.300
6	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10103; 02/12/2022 - 3806; 13/7/2023	14.567	14.567	11.600		11.600
7	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10072; 30/11/2022	9.072	9.072	9.000		9.000
8	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10113; 05/12/2022	11.346	11.346	11.340		11.340
9	Xây mới Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10114; 05/12/2022	11.344	11.344	11.300		11.300
10	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	2925; 25/5/2023	11.303	11.303	11.300		11.300
11	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	2926; 25/5/2023	11.808	11.808	11.800		11.800
12	Xây mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	3079; 05/6/2023	4.500	4.500	4.000		4.000
13	Đầu tư xây dựng trụ cấp nước PCCC trên địa bàn các phường: Hòa Lạc, Trần Phú, Ka Long, Ninh Dương	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD		5.300	5.300	5.000		5.000
X	Lĩnh vực quản lý nhà nước	1						4.130	4.130	4.000	0	4.000
1	Cải tạo, sửa chữa hội trường tầng 01, trụ sở Thành ủy Móng Cái	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD		4.130	4.130	4.000		4.000
XI	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các Phường	19						56.699	52.561	51.463	0	51.463
I	Phường Ka Long	1						2.033	2.033	2.020	0	2.020
1.1	Cải tạo nâng cấp các công qua đường trên địa bàn phường Ka Long, TP Móng Cái	1	C	2022-2023	Cải tạo, nâng cấp 28 công qua đường	UBND phường Ka Long	495; 03/12/2021	2.033	2.033	2.020		2.020

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
2	Phường Bình Ngọc	3						11.088	10.838	10.660	0	10.660	
2.1	Sửa chữa, bổ sung các hạng mục trụ sở UBND phường Bình Ngọc	1	C	2022	Cải tạo, sửa chữa trụ sở	UBND phường Bình Ngọc	850; 27/01/2022	906	906	900		900	
2.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh lộ 335 từ Trụ sở UBND phường Bình Ngọc đi Mũi Ngọc, phường Bình Ngọc	1	C	2022-2024	Xây dựng tuyến chiếu sáng L= 3,7 Km	BQL dự án DTXD	15229; 13/12/2021	7.083	7.083	6.910		6.910	
2.3	Xây dựng Nhà văn hóa khu 4, phường Bình Ngọc	1	C	2023-2025		UBND phường Bình Ngọc	134/NQ-HDND; 14/11/2022	3.100	2.850	2.850		2.850	
3	Phường Hòa Lạc	1						878	878	870	0	870	
3.1	Phường Hòa Lạc	1	C	2022	Sửa chữa nhà chính; khu vệ sinh, khuôn viên	UBND phường Hòa Lạc	16368; 31/12/2021	878	878	870		870	
4	Phường Ninh Dương	5						6.802	6.177	6.275	0	6.275	
4.1	Xây dựng tuyến công nước thải lộ 23, 26 khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Xây dựng tuyến công nước thải với tổng chiều dài tuyến khoảng L = 193,17m	UBND phường Ninh Dương	16349; 31/12/2021	803	803	900		900	
4.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến công thoát nước lộ 8, khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1	C	2022	Tuyến công thoát nước có tiết diện BxH = 1,0x1,0m, chiều dài L=270,91m	UBND phường Ninh Dương	16348; 31/12/2021	1.169	1.169	1.170		1.170	
4.3	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè trước nhà văn hóa khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lát diện tích vỉa hè 404,14m ²	UBND phường Ninh Dương	16350; 31/12/2021	556	556	555		555	
4.4	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Khuyến, khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lát diện tích vỉa hè 1.139m ²	UBND phường Ninh Dương	16351; 31/12/2021	875	450	450		450	
4.5	Xây dựng Nhà văn hóa khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		UBND phường Ninh Dương	134/NQ-HDND; 14/11/2022	3.400	3.200	3.200		3.200	
5	Phường Trà Cỏ	1						3.494	3.193	3.000	0	3.000	
5.1	Xây mới nhà văn hóa khu Trảng Lội; sửa chữa nhà văn hóa khu Trảng Vỹ, phường Trà Cỏ	1	C	2022-2023	Xây mới nhà văn hóa khu Trảng Lội, sửa chữa nhà văn hóa khu Trảng Vỹ	UBND phường Trà Cỏ	16504; 31/12/2021	3.494	3.193	3.000		3.000	
6	Phường Hải Hòa	5						19.428	18.546	17.938	0	17.938	
6.1	Cải tạo công thoát nước thải khu dân cư sau cây xăng khu 8, phường Hải Hòa	1	C	2022-2023	L = 658,8m	UBND phường Hải Hòa	962; 15/12/2021	2.143	2.143	2.140		2.140	
6.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Trần Quang Khai từ khu 8 đi khu 2, phường Hải Hòa	1	C	2022	L = 1,76km	UBND phường Hải Hòa	963; 15/12/2021	648	648	648		648	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	KH 2021-2025			Ghi chú	
								Tổng mức đầu tư		Năm 2021		2022-2025
								Tổng số	Trong đó: NSTP			
6.3	Xây mới Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa		5.461	5.000	4.800	4.800	
6.4	Xây mới Nhà văn hóa khu 4, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa		5.455	5.455	5.250	5.250	
6.5	Xây mới Nhà văn hóa khu 8, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa		5.721	5.300	5.100	5.100	
7	Phường Hải Yên	2						9.175	7.395	7.350	0	7.350
7.1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		UBND phường Hải Yên	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	4.230	3.450	3.450		3.450
7.2	Xây mới nhà văn hóa khu phố 1, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		UBND phường Hải Yên	4623; 22/8/2023	4.945	3.945	3.900		3.900
8	Phường Trần Phú	1						3.800	3.500	3.350	0	3.350
8.1	Xây mới Nhà văn hóa khu 2, phường Trần Phú	1	C	2024-2026		UBND phường Trần Phú		3.800	3.500	3.350		3.350
XII	Chương trình xây dựng nông thôn mới	27						144.345	137.296	103.509	21.749	81.760
I	Các dự án chung	8						71.300	71.300	37.800	1.516	36.284
1.1	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1						10.000	10.000	2.000		2.000
1.2	Kinh phí hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Nghị quyết số 194 của HĐND tỉnh Quảng Ninh Khóa XIII	1						10.000	10.000	8.000		8.000
1.3	Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề án OCOP thành phố Móng Cái đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; kinh phí hỗ trợ chương trình OCOP năm 2022	1						25.000	25.000	3.000		3.000
1.4	Hỗ trợ Thành lập mới HTX; phát triển HTX	1						2.500	2.500	2.000		2.000
1.5	Quy hoạch xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu	1						9.800	9.800	9.800		9.800
1.6	Kinh phí hoạt động của BCD	1						1.500	1.500	1.000		1.000
1.7	Kinh phí tuyên truyền	1						2.500	2.500	2.000		2.000
1.8	Kinh phí tổ chức và trao thưởng cho các cuộc thi thuộc chương trình NTM trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025	1						10.000	10.000	10.000	1.516	8.484
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới các Xã	19						73.045	65.996	65.709	20.233	45.476
a	Xã Bắc Sơn	7						15.059	13.042	13.158	6.900	6.258

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
a1	Thôn đạt chuẩn NTM Thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C	2020-2021	Sửa chữa nhà văn hóa, hệ thống chiếu sáng đường thôn Lục Phú	BQL dự án DTXD	9614; 04/12/2020	2.908	2.033	2.525	2.090	435	
a2	Vườn hoa, khuôn viên, cây xanh, rãnh thoát nước thải dọc các trục đường thôn Pec Nà, Phình Hồ và Thán Phấn	1	C	2020-2022	thoát nước Pec Nà; Xây bồn hoa L=1473m	UBND xã Bắc Sơn	157; 11/12/2020	696	516	470	410	60	
a3	Nâng cấp tuyến đường thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Lắp dải cốt, 35 bóng điện cao áp	UBND xã Bắc Sơn	206; 24/8/2021	2.624	2.081	1.990	1.108	882	
a4	Hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Sửa chữa nhà văn hóa, vệ sinh, tường rào	UBND xã Bắc Sơn	207; 24/8/2021	973	872	842	467	375	
a5	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	L = 2,32 km	BQL dự án DTXD	208; 24/8/2021	441	441	341	315	26	
a6	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, khu dân cư thôn Phình Hồ, Thán Phấn, Pec Nà	1	C	2020-2022		BQL dự án DTXD	9662; 07/12/2020	4.007	4.007	3.900	2.100	1.800	
a7	Xây dựng Diêm tập kết và mua xe thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn	1	C	2020-2022	Xây 10 diêm tập kết rác, xe rác	UBND xã Bắc Sơn	156; 11/12/2020	449	410	410	410	0	
a8	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường bán 10 hộ, thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn		2.961	2.682	2.680		2.680	
b	<i>Xã Vạn Ninh</i>	7						17.913	16.216	16.256	10.962	5.294	
b1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Cầu Voi	1	C	2021-2022	Sửa chữa tuyến đường 76m, xây rãnh thoát 176m, xây bồn hoa, cây xanh	UBND xã Vạn Ninh	54; 08/12/2020	838	779	779	695	84	
b2	Chỉnh trang, mở rộng lề đường, xây dựng rãnh thoát nước 02 bên đường ngõ xóm Thôn Bắc, Thôn Nam	1	C	2021-2022	L=671m	UBND xã Vạn Ninh	55; 08/12/2020	1.134	721	721	640	81	
b3	Lắp đặt hệ thống đèn cao áp tuyến đường trục chính xã	1	C	2021-2022	L=1579m	UBND xã Vạn Ninh	58; 08/12/2020	983	506	506	465	41	
b4	Nâng cấp khu thể thao trung tâm xã gắn với điểm đi tích văn hóa	1	C	2021-2022	San nền 4920m ² , thoát nước	UBND xã Vạn Ninh	57; 08/12/2020	724	671	671	550	121	
b5	Xây dựng 01 công xã, 01 công thôn	1	C	2021-2022	Công chào xã, công chào thôn Nam	UBND xã Vạn Ninh	56; 08/12/2020	701	519	519	435	84	
b6	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt các thôn thôn Đông, thôn Trung, Thôn Cầu Voi trên địa bàn xã Vạn Ninh	1	C	2021-2022	L = 6,9 km	BQL dự án DTXD	9894; 11/12/2020	10.533	10.219	10.260	8.177	2.083	
b7	Xây mới Nhà văn hóa thôn cầu voi, xã Vạn Ninh	1	C			UBND xã Vạn Ninh		3.000	2.800	2.800		2.800	
c	<i>Xã Hải Xuân</i>	4						10.875	10.343	9.739	2.371	7.368	
c1	Xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới thôn 3, thôn 4, thôn 6	1	C			UBND xã Hải Xuân	3168; 29/4/2022	5.929	5.639	5.550		5.550	
c2	Sửa chữa, xây mới các tuyến đường ngõ, xóm trên địa bàn xã Hải Xuân	1	C			UBND xã Hải Xuân	226; 19/8/2021	1.031	812	679	472	207	
c3	Xây mới công khu Hồ Nam (thôn 1,2,3,4); thôn 8, thôn 10a, thôn 10b, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	Xây mới Công khu Hồ Nam (Thôn 1,2,3,4); Thôn 8; Thôn 10a; Thôn 10b.	UBND xã Hải Xuân	246; 17/10/2021	911	888	850	489	361	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	KH 2021-2025			Ghi chú	
								Tổng mức đầu tư		Năm 2021		2022-2025
								Tổng số	Trong đó: NSTP			
c4	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thôn 3, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	L = 1,65 km	BQL dự án ĐTXD	14714; 02/12/2021	3.004	3.004	1.410	1.250	
d	Xã Quảng Nghĩa	1	C			UBND xã Quảng Nghĩa	3158; 29/4/2022	8.214	7.423	0	7.370	
d1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3, 4, 5, xã Quảng Nghĩa	1	C			UBND xã Quảng Nghĩa	3158; 29/4/2022	8.214	7.423	0	7.370	
e	Xã Hải Sơn	2	C			UBND xã Hải Sơn	3160; 29/4/2022	3.500	3.230	0	3.219	
e1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Lục Chấn, Thán Phú xã, xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3160; 29/4/2022	2.456	2.331	0	2.320	
e2	Chỉnh trang, nâng cấp chợ Pò Hèn, Xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn		1.044	899	0	899	
g	Xã Hải Tiến	2	C			UBND xã Hải Tiến	3165; 29/4/2022	5.032	4.081	0	4.326	
g1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3A, 3B, 6, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến	3165; 29/4/2022	2.263	1.866	0	2.116	
g2	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng Thôn 1, 3A, 3B, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến		2.769	2.215	0	2.210	
h	Xã Hải Đông	1	C			UBND xã Hải Đông	3166; 29/4/2022	4.530	4.295	0	4.290	
h1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 2,3,4,11, xã Hải Đông	1	C			UBND xã Hải Đông	3166; 29/4/2022	4.530	4.295	0	4.290	
i	Xã Vĩnh Thực	2	C			UBND xã Vĩnh Thực	3157; 29/4/2022	5.689	5.503	0	5.496	
i1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3, xã Vĩnh Thực	1	C			UBND xã Vĩnh Thực	3157; 29/4/2022	3.681	3.517	0	3.510	
i2	Đường điện thấp sáng tuyến đường từ ngã 3 tới cảng Vạn Gia (đường liên xã); từ ngã 3 tới trung tâm UBND xã Vĩnh Thực	1	C			UBND xã Vĩnh Thực		2.008	1.986	0	1.986	
k	Xã Vĩnh Trung	1	C			UBND xã Vĩnh Trung	3167; 29/4/2022	2.233	1.863	0	1.855	
k1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3,4 xã Vĩnh Trung	1	C			UBND xã Vĩnh Trung	3167; 29/4/2022	2.233	1.863	0	1.855	
XIII	Công trình, dự án thực hiện Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND	5	C					13.498	13.250	0	13.225	
1	Xã Hải Sơn	2	C					7.400	7.311	0	7.305	
1.1	Xây mới kênh Mả Thầu Sán thôn Thán Phú Xã, xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3161; 29/4/2022	2.412	2.387	0	2.385	
1.2	Xây mới Nhà hoạt động thể chất trường Tiểu học & THCS Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3159; 29/4/2022	4.988	4.924	0	4.920	
2	Xã Bắc Sơn	3	C					6.099	5.940	0	5.920	
2.1	Xây mới kênh tưới thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3162; 29/4/2022	1.543	1.489	0	1.480	
2.2	Xây mới kênh tưới thôn Thán Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3163; 29/4/2022	2.022	1.989	0	1.980	
2.3	Thay thế ống dẫn nước tưới để phục vụ sản xuất thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3164; 29/4/2022	2.534	2.462	0	2.460	
XIV	Lĩnh vực khác	12	C					8.975	8.975	4.215	3.582	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	T trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương (gửi đất thu hồi của Công ty Cao su)	1				Phòng Quản lý đô thị	8946; 12/11/2020	49	49	45	45	0	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm hội nghị tiệc cưới, nhà hàng, khách sạn tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8940; 12/11/2020	108	108	100	100	0	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư thôn 10B, thôn 5, thôn 8, xã Hải Xuân	1				Phòng Quản lý đô thị	8949; 12/11/2020	492	492	480	480	0	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu Thượng Trung, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8837; 09/11/2020	473	473	470	470	0	
5	Đề án Phát triển du lịch thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	1				Phòng Văn hóa thông tin	5371; 08/7/2021	486	486	446	170	276	
6	Đề án phát triển hạ tầng môi trường thủy sản thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	2.746	2.746	2.689	950	1.739	
7	Đề án bảo vệ rừng ngập mặn gắn với khai thác lợi thế từ rừng ngập mặn để phục vụ phát triển du lịch thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	1.150	1.150	1.073	400	673	
8	Đề án Phát triển sản phẩm OCOP thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	442	442	441	155	286	
9	Đề án xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	935	935	933	325	608	
10	Chương trình phát triển đô thị thành phố Móng Cái đến năm 2030	1				Phòng Quản lý đô thị	5350; 07/07/2021	1.259	1.259	300	300		
11	Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Đất ở tại thôn 10A, thôn 10B, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				Phòng Quản lý đô thị	8950; 12/11/2020	347	347	340	340	0	
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Một số điểm dân cư xã Hải Sơn, Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	8948; 12/11/2020	489	489	480	480	0	
XV	Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025	21						61.575	58.851	50.852	0	50.852	
1	Sửa chữa, xây mới mương tưới đập Giếng Cối, Vân Sơn thôn 1, thôn 2, thôn 3 xã Vĩnh Thục	1				UBND xã Vĩnh Thục	1617; 22/3/2023	3.068	2.908	2.836		2.836	
2	Nâng cấp tuyến đường trục chính nội đồng thôn 7 đến công chào thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	5.600	5.300	4.813		4.813	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTDĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
3	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ ngã ba bưu điện xã đến bến cá Trần Hưng Đạo, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	783	685	666	666	666
4	Tuyến điện chiếu sáng thôn 4, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	1.500	1.450	866	866	866
5	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.234	2.234	2.234
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Tram khí tượng đến nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.154	2.020	1.964	1.964	1.964
7	Xây mới tuyến kênh mương nội đồng phục vụ tưới tiêu thôn 6, thôn 11, xã Hải Xuân	1				UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.600	2.199	2.017	2.017	2.017
8	Sửa chữa ngầm tràn Péc Nà II, xã Bắc Sơn	1				UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	2.900	2.835	2.283	2.283	2.283
9	Xây mới nhà văn hóa thôn Lục Chấn, xã Hải Sơn	1				UBND xã Hải Sơn	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	1.983	1.983	1.983
10	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.600	2.550	2.400	2.400	2.400
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thôn 1, thôn 2 xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	1.802	1.731	1.699	1.699	1.699
12	Nhà đa năng trường tiểu học Quảng Nghĩa	1				BQL dự án ĐTXD	1617; 22/3/2023	5.690	5.640	4.961	4.961	4.961
13	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn, ngõ xóm trên địa bàn xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vĩnh Thực	1617; 22/3/2023	4.440	4.180	3.800	3.800	3.800
14	Tuyến điện chiếu sáng thôn 3, thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	2.880	2.810	1.800	1.800	1.800
15	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 2, xã Hải Tiến	1				UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	1.735	1.691	1.230	1.230	1.230
16	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Tiến	1				UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200	2.200	2.200
17	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Hải Tiến	1				UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200	2.200	2.200
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Nam, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	4.400	4.100	4.000	4.000	4.000
19	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư thôn Péc Nà và thôn Thán Phùn xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái.	1				UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	4.000	3.800	2.900	2.900	2.900
20	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư xóm Đồi Tây thôn Pò Hèn và xóm 26 hộ thôn Thán Phùn xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái.	1				UBND xã Hải Sơn	1617; 22/3/2023	2.623	2.492	1.600	1.600	1.600
21	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, thôn 3, xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.800	2.660	2.400	2.400	2.400